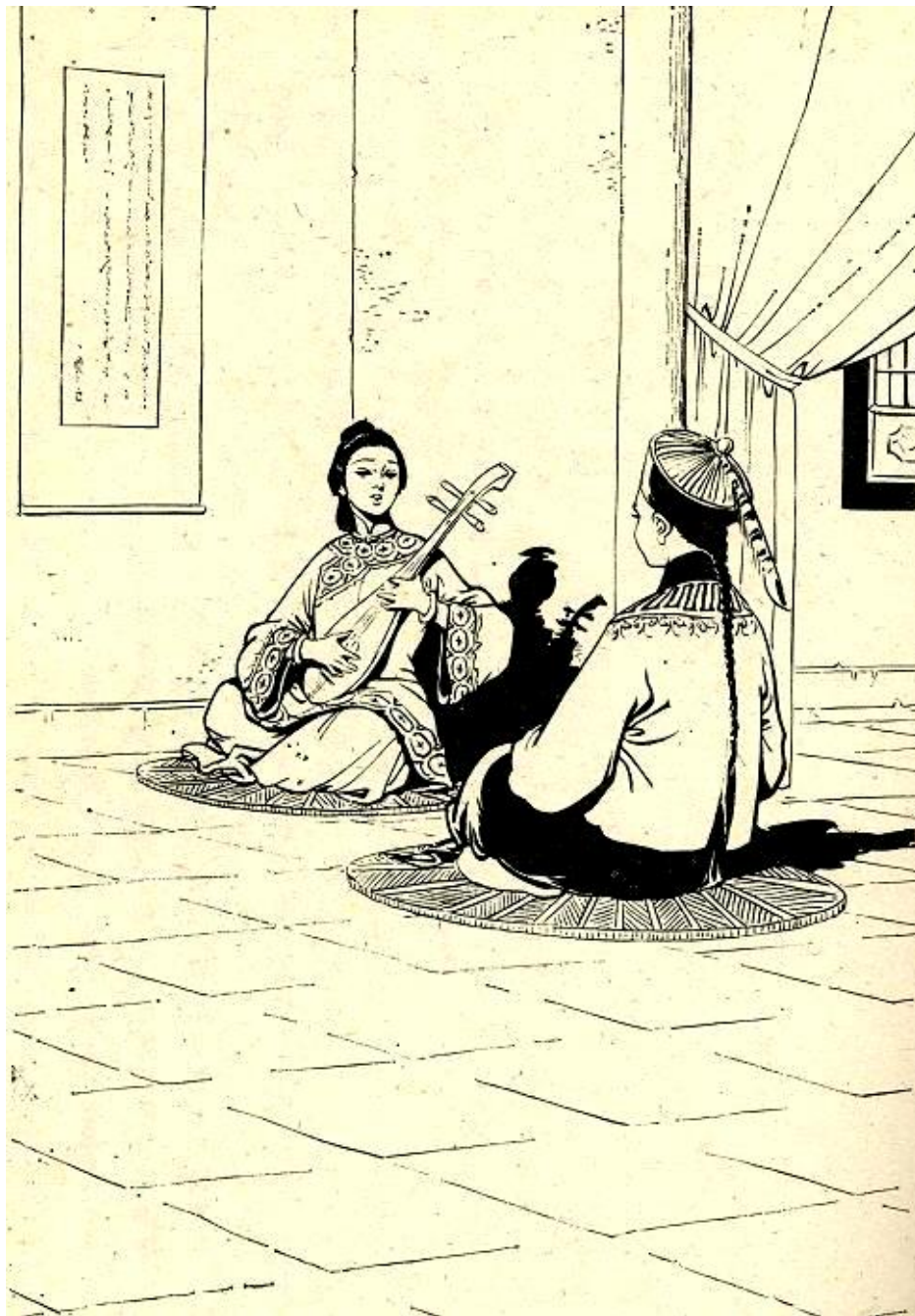


THANH BINH NHẬP QUAN

Nguyễn Duy Chính



Dẫn nhập

... Vi Tiểu Bảo nhảy xuống xe thấy tám biển trước am có đề ba chữ, chữ đầu tiên là chữ "tam", còn hai chữ kia y không biết, quay đầu lại nhìn thấy bọn Cao Ngạn Siêu theo ở xa xa, hẳn rằng đã canh gác chung quanh nên y cũng yên tâm theo đạo cô vào trong am.

Chỉ thấy bốn bệ sạch bóng như li như lau, trong thiên tỉnh trồng mấy bụi hoa trà, một cây tử kinh còn giữa điện thì bày một tượng Bạch Y Quan Âm hình dáng cực kỳ xinh đẹp, tuy bảo tượng trang nghiêm nhưng cũng có đôi phần tú lệ. Vi Tiểu Bảo nghĩ thầm: "Nghe nói trong số mấy vợ của Ngô Tam Quế có một vợ ngoại hiệu là Tứ Điện Quan Âm, lại có một người là Bát Điện Quan Âm, không biết có thực là Quan Âm bồ tát xinh đẹp như thế hay không? Con mẹ nó, đại Hán gian quả là diễm phúc thật".

Đạo cô dẫn y đến chái điện ở phía đông, rót trà mời y uống. Vi Tiểu Bảo mở nắp chén trà, hương thơm ngát bay lên mũi, nước trà màu xanh biếc, chính là trà Long Tỉnh đầu mùa, không khỏi kinh ngạc: "Trà Long Tỉnh này mang tự Giang Nam về đây, quả là đắt giá, đạo cô trong am tức là ni cô, sao lại xài sang thế nhỉ?". Đạo cô lại bưng lên một mâm sơn mài đựng tám món điểm tâm, trên những đĩa men trắng đựng nào là kẹo tùng tử, bánh hồ đào, toàn là đặc sản Tô Châu, cực kỳ khéo léo. Những món điểm tâm Giang Nam đó, năm xưa Vi Tiểu Bảo ở kỹ viện Dương Châu đã từng thấy, mỗi khi có khách làng chơi, lão bảo¹ đem ra đãi khách, nhân lúc không ai để ý, y không khỏi nhón một hai viên, không ngờ ở một cái am nho nhỏ đất Vân Nam gặp lại bạn cũ, trong bụng mừng rơn: "Lão tử lại được trở về Lệ Xuân Viện ở Dương Châu rồi".

Đạo cô kia bưng đồ ăn lên xong, lập tức lui ra. Trên kỳ trà đặt một đỉnh đồng khói xanh bốc ra thoang thoang, đúng là mùi đàn hương danh quý, Vi Tiểu Bảo là kẻ sành sỏi, mỗi lần đến Từ Ninh Cung gặp thái hậu, đều được ngửi mùi trầm hương thượng đẳng này, không khỏi chột dạ: "Chết rồi, hồng mắt, không lẽ con đã già đang ở tại nơi đây?" Nghĩ thế y liền đứng bật dậy.

Chỉ nghe từ ngoài cửa có tiếng chân loạt soạt rồi một người đàn bà tiến vào, chấp tay hành lễ nói:

- Kẻ xuất gia là Tịch Tĩnh, tham kiến Vi đại nhân.

Người đàn bà đó chừng trên dưới bốn mươi, mặc đạo bào màu vàng nhạt, đầu mày ánh mắt như tranh vẽ, thanh lệ không sao tả xiết, trong đời Vi Tiểu Bảo chưa bao giờ gặp một người nào đẹp đến thế. Y cầm chén trà trên tay, miệng há hốc, mắt mở trừng trừng, chân tay mềm nhũn. Người đàn bà kia mỉm cười nói:

- Xin mời Vi đại nhân ngồi.

Vi Tiểu Bảo luống cuống ấp úng:

- Vâng, vâng!

Hai đầu gối y khụy xuống rơi phịch lên ghế, chén trà trên tay sóng sánh đổ ra vạt áo, ướt một mảng lớn. Đàn ông gặp bà ta đều hồn vía lên mây, lệ nhân này trong đời đã gặp nhiều lần nên cũng không ngạc nhiên, có chăng Vi Tiểu Bảo chỉ là một đứa trẻ tuổi độ mười lăm mười sáu vậy mà cũng bị tuyệt thế dung quang của mình trấn nhiếp. Mỹ nhân mỉm cười nói:

- Vi đại nhân tuổi trẻ tài cao, đã từng nghe xưa kia Cam La mười hai tuổi đã ở vai Thừa Tướng, Vi đại nhân cũng chẳng kém gì.

Vi Tiểu Bảo đáp:

¹ Tú bà

- Không dám. Chao ôi, cái gì chứ Tây Thi, Dương quý phi cũng nhất định chẳng thể nào đẹp hơn bà được.

Bà ta kéo vạt áo lên che một bên mặt ngọc, nhoẻn một nụ cười lập tức bách mị hoành sinh nhưng đổi ngay thành nghiêm trang đáp:

- Tây Thi, Dương quý phi đều là những người mệnh bạc. Tiểu nữ tử cũng hận rằng trời sinh dung mạo như thế này, làm khổ thiên hạ thương sinh nên lâu nay làm bạn với ngọn đèn câu kệ, chăm điều sám hối. Than ôi, dầu có gõ thủng mõ, đục nát kinh chắc cũng không giải cho hết được một trong muôn phần những oan nghiệt đã qua.

Nói tới đây, đôi mắt rưng rưng, hai hàng lệ long lanh chảy xuống. Vi Tiểu Bảo không hiểu bà ta muốn nói gì chỉ thấy mỹ nhân khi mỉm cười thì mặt mày rạng rỡ, khi buồn khổ lại nhuốm vẻ xót xa, trong lòng không khỏi dâng lên một niềm hoài cảm tuy không biết gốc gác thế nào nhưng máu nóng bùng lên dường như nếu có phải vì nàng mà tan xương nát thịt thì cũng thấy ngọt như đường, lập tức vỗ ngực đứng bật dậy khảng khái nói:

- Chẳng hay kẻ nào hiếp đáp bà ta nguyện sẽ cùng y sống chết. Bà có chuyện gì khó khăn cứ việc giao cho ta, nếu Vi Tiểu Bảo này làm không xong xin nguyện cắt đầu bồi đáp.

Nói xong giơ tay lên chém ngang cổ mình. Hành vi khí khái đại trượng phu như thế xưa nay y chẳng mấy khi làm, vậy mà bây giờ không hề ngần ngại, không có vẻ giả tí nào.

Người đẹp đưa mắt nhìn y một chốc rồi mới nghẹn ngào đáp:

- Cao ngưỡn ngất trời của Vi đại nhân, tiểu nữ tử thật không biết làm sao báo đáp.

Đột nhiên quì phục xuống, rạp đầu vái lạy. Vi Tiểu Bảo kêu lên:

- Ấy chết! Không được!

Y cũng lập tức quì xuống rạp đầu binh binh mấy cái nói:

- Bà là tiên nữ hạ phàm, Quan Âm bồ tát xuống thế, phải để ta lạy bà mới phải.

Người đẹp nói khẽ:

- Thế thì coi trọng ta quá.

Bà ta đưa tay đỡ tay y nhẹ nhàng nâng lên, hai người cùng đứng dậy. Vi Tiểu Bảo thấy trên má bà ta còn vương mấy giọt lệ lấp lánh như ngọc vội vàng đưa tay áo, nhẹ nhàng lau đi an ủi:

- Đừng khóc nữa, đừng khóc nữa! Dù có chuyện gì to lớn thế nào chẳng nữa chúng ta cũng phải làm cho xong mới thôi.

Với tuổi tác của mỹ nhân cũng phải bằng tuổi mẹ y nhưng dung sắc cử chỉ, ngôn ngữ thần thái thật kiêu mị dịu dàng, không ai không khỏi mở lòng thương xót. Vi Tiểu Bảo bèn hỏi:

- Chẳng hay bà có chuyện gì khó khăn?

Người đẹp nói:

- Vi đại nhân vừa được tin lập tức đến ngay, tiểu nữ tử cực kỳ cảm kích ...

Vi Tiểu Bảo kinh ngạc kêu lên một tiếng: "Ôi chao!" đưa tay gõ vào đầu mình hỏi:

- Ta thật hồ đồ, thế ra A Kha ...

Y dờ dẫm nhìn người đẹp, đột nhiên hiểu ra thảng thốt kêu lên:

- Thì ra bà là mẹ của A Kha!

Người đàn bà đẹp nói khẽ:

- Vi đại nhân quả là thông minh, không cần phải nói ra đại nhân đã đoán được rồi.

Vi Tiểu Bảo nói:

- Cái đó cũng dễ thôi. Tướng mạo hai người giống hệt nhau, có điều ... có điều A Kha sư tử không... không đẹp bằng bà.

Người ngọc bên lễn, má ứng hồng tương như ai đó tô một lớp phấn lên trên một khối bạch ngọc, hỏi nhỏ:

- Người gọi A Kha là sư tử ư?

Vi Tiểu Bảo đáp:

- Đúng thế, nàng là sư tử của ta.

Thế rồi y không dấu diếm gì kể lại từ đầu vì sao biết A Kha, bị nàng ta đánh trật khớp tay, rồi bái Cửu Nạn làm thầy, cùng đi Côn Minh, bán thân mình mê mẩn A Kha, còn nàng chẳng thêm để mắt tới, kể lại hết mọi chi tiết không dấu diếm chút nào chỉ có thân thể Cửu Nạn và ý đồ của mình làm điều bất lợi cho Ngô Tam Quế là những việc trong đại nên không nói ra thôi.

Người đàn bà lặng lẽ ngồi nghe, đợi y thuật xong rồi mới thở dài nhẹ ngậm nho nhỏ:

Anh hùng ai chẳng kẻ đa tình,

Vợ con đâu lẽ bận công danh.²

Khách má hồng luôn luôn gây họa, việc đó đã bày ra trước mắt. Vi đại nhân tiền trình viễn đại...

Vi Tiểu Bảo lắc đầu:

- Không phải, không phải! Hồng nhan họa thủy câu đó ta đã từng nghe thầy đồ kể chuyện nói đến rồi, nào là Đát Kỷ, nào là Dương quý phi ... những ai mỹ miều đều làm hại cho quốc gia. Thực ra nếu thiên hạ không có bọn đàn ông tệ hại, hoàng đế tồi tàn thì dù đàn bà có đẹp cũng làm sao hại đất nước được? Người ta vẫn bảo Bình Tây Vương vì Trần Viên Viên nên mới đầu hàng Thanh triều, thế nhưng theo ta, nếu quả Ngô Tam Quế trung với nhà Minh thì đâu có mười tám nàng Trần Viên Viên thì con bà Ngô Tam Quế cũng chẳng đầu hàng Đại Thanh được.

Người đàn bà đứng bật dậy khoan thai lạy phục xuống nói:

- Đa tạ minh kiến của Vi đại nhân, biện bạch cho tiện thiếp mối hàm oan thiên cổ này.

Vi Tiểu Bảo vội vàng hoàn lễ, ngạc nhiên hỏi:

- Bà ... bà là ... ôi chao! Đúng rồi, ta càng lúc càng ngờ ngẩn, bà chẳng phải là vương phi của Bình Tây Vương hay sao? Có sao lại để tóc tu hành ở chốn này? A Kha sư tử sao ... sại lại là con bà được?

Người đàn bà đẹp đứng lên nói:

- Tiện thiếp chính là Trần Viên Viên. Những chuyện bên trong nói ra quả là dài. Tiện thiếp trước hết có việc phải cầu đến Vi đại nhân nên không dám dấu diếm, hai là mới rồi nghe đại nhân biện oan cho kẻ hèn này, trong lòng hết sức cảm kích. Trong hai mươi năm qua, tiện thiếp bị nguyên rửa không đâu kể xiết, thiên hạ đổ hết tội làm mất nước lên đầu, trên đời chỉ có hai vị đại tài tử là hiểu được nỗi hàm oan của tiện thiếp, một người là đại thi nhân Ngô Mai Thôn Ngô tài tử, còn một người là Vi đại nhân.

² 妻子豈應關大計? 英雄無奈是多情

Thê từ khởi ung quan đại kế? Anh hùng vô nại thị đa tình.

Kỳ thực chuyện quốc gia đại sự Vi Tiểu Bảo ngu ngơ hiểu cóc gì đâu, nào có biết Trần Viên Viên oan hay không oan, chỉ vì thấy bà ta xinh đẹp tuyệt thế đâm ra mê mẩn, lại thêm ghét cay ghét đắng Ngô Tam Quế, huống chi bà ta lại là mẹ của A Kha, dù bà ta có tội tày trời, sai quấy thế nào chẳng nữa thì cũng coi như không, mọi sự đổ sạch lên đầu Bình Tây Vương. Y nghe người đẹp gọi mình là "đại tài tử" thì cũng biết thân biết phận, vội vàng xua tay rối rít nói:

- Ta chữ nghĩa không đầy cái lá mít, bà gọi là tài tử thì phải thêm hai chữ "rầm rít", gọi là tài tử rầm rít Vi Tiểu Bảo mới phải.

Trần Viên Viên lặng lẽ mỉm cười nói:

- Thi tử văn chương nếu có giỏi cũng chỉ là loại tiểu tài tử. Còn như có kiến thức, có đảm lược ấy mới là đại tài tử.

Vi Tiểu Bảo nghe bà ta tâng mình lên bằng hai câu đó, không khỏi sượng rên, nghĩ thầm: "Vị thiên hạ đệ nhất mỹ nhân này lại bảo ta là đại tài tử. Hà hà, hóa ra lão tử tài nghệ đâu có dở. Mẹ nó chứ, lão tử từ khi ra khỏi bụng mẹ đến bây giờ mới nghe là lần đầu".

Trần Viên Viên lại đứng lên nói:

- Xin mời đại nhân di bộ, để tiểu nữ đem hết mọi nguyên do bên trong kể lại một lượt.

Vi Tiểu Bảo đáp:

- Vâng!

Y cùng bà ta đi theo một con đường lát đá, hai bên trồng hoa vào trong một căn phòng nhỏ. Trong phòng không bày biện bàn ghế, dưới đất chỉ có hai chiếc bồ đoàn, trên tường treo một bức tự thiếp, trên viết đầy chữ, xem ra khá nhiều chữ nghĩa, bên cạnh treo một chiếc đàn tì bà.

Trần Viên Viên nói:

- Mời đại nhân ngồi.

Bà ta đợi Vi Tiểu Bảo ngồi xuống một cái đệm rồi mới đi đến bên tường, gỡ chiếc đàn xuống, ôm vào lòng ngồi xuống chiếc bồ đoàn còn lại, chỉ vào bức thiếp treo trên tường dụ dàng nói:

- Đây là bài trường thi tài tử Ngô Mai Thôn (吳梅村) vì tiện thiếp mà sáng tác, đặt tên là "Viên Viên Khúc" (圓圓曲). Hôm nay có duyên xin được tấu một bản, chỉ mong không làm bản nhĩ thánh của đại nhân.

Vi Tiểu Bảo mừng rỡ nói:

- Hay lắm! Hay lắm! Thế nhưng vương phi tấu một đoạn phải ngừng lại giải thích chứ cái thứ tài tử rầm rít như tại hạ, học vấn cực kỳ kém cỏi.

Trần Viên Viên mỉm cười:

- Đại nhân quá khiêm tốn đấy thôi.

Nói rồi ôm đàn gảy tít tang mấy cái nói:

- Điệu này tiểu nữ tử đã lâu không đàn, nếu có thô lậu xin đừng trách.

Vi Tiểu Bảo đáp:

- Chẳng cần khách khí. Dẫu có đàn sai, ta cũng nào có biết đâu.

Chỉ nghe Trần Viên Viên nhẹ nhàng gảy đàn rồi chậm rãi hát lên:

Chí tôn ngày đó bỏ nhân gian,

*Âm ầm giặc phá Ngọc Môn Quan.
Lục quân buồn khổ màu tang tóc,
Trời gằm đất chuyển, một hồng nhan.*

Bà ta hát xong bốn câu rồi mới nói:

- Đây là nói về năm xưa Sùng Trinh thiên tử qui thiên, Bình Tây Vương liên minh với Mãn Thanh, tấn công vào Bắc Kinh đánh bại Lý Tự Thành, quan binh ai nấy đeo khăn trắng để tang hoàng đế. Thế nhưng Bình Tây Vương sở dĩ ra quân cũng chỉ vì cái thân bất tướng của tiện thiếp.

Vi Tiểu Bảo gật đầu đáp:

- Bà đẹp như thế, Ngô Tam Quế có vì bà mà đầu hàng Đại Thanh cũng không thể trách y được. Nếu như phải Vi Tiểu Bảo này thì cũng muốn đầu hàng.

Ánh mắt Trần Viên Viên lưu chuyển nghĩ thầm: "Ngươi chỉ là một thằng bé con vậy mà cũng dám cợt nhả với ta". Thế nhưng khi thấy y thần sắc nghiêm trang mới biết y quả là nói thực, không khỏi sinh lòng tri ngộ, lại hát tiếp:

*Má hồng há phải đầu mâm họa,
Chỉ tại hoang dâm gây bại vong.
Quét sạch khăn vàng bình núi Hắc,
Vua tôi gặp lại luống đau lòng.*

Trần Viên Viên tiếp:

- Đoạn này nói về vương gia đánh bại Lý Tự Thành. Trong thơ viết rằng: "Lý Tự Thành đại sự chẳng thành ấy cũng bởi tự y không tốt, sau khi chiếm được Bắc Kinh, hành sự càn rỡ". Vương gia đọc đến câu này lòng không được vui.

Vi Tiểu Bảo đáp:

- Đúng thế, y làm sao cao hứng cho được? Trong khúc này nói rõ là việc đánh bại Lý Tự Thành chẳng phải công lao của y.

Trần Viên Viên nói:

- Từ đoạn này về sau là nói về thân thế của tiện thiếp.

Bà ta lại hát tiếp:

*Từ khi mới gặp nơi Điền gia,
Cửa son múa hát nhẹ như mơ.
Ba quân nào chỗ phô hương sắc,
Chờ đợi anh hào ngóng tiếng xe.*

*Vốn xưa khuê các đất Cô Tô,
Viên Viên tên gọi đáng kiêu thơ.*

*Quân vương một thuở mong ngày gặp,
Thấp thoáng hình ai gái Việt xưa.*

*Thấp thoáng hình ai gái Việt xưa,
Giặt lụa ven sông ánh nguyệt mờ.
Hái sen thuở trước nay lại hiện,
Sóng vỗ mênh mang mặt nước hồ.*

Khúc điệu dịu dàng uyển chuyển, lại thêm tiếng đàn tì bà chậm rãi điểm vào chẳng khác gì gió thoảng vì vu, lẫn lẫn sóng gợn chạm lên cánh sen trên mặt nước.

Trần Viên Viên khẽ nói:

- Đây là ví tiệp thiếp với Tây Thi, không khỏi quá đáng.

Vi Tiểu Bảo lắc đầu:

- So sánh thế thật trật lất, không xứng chút nào.

Trần Viên Viên hơi bỡ ngỡ, Vi Tiểu Bảo nói:

- Tây Thi làm sao sánh được với bà?

Trần Viên Viên bẽn lẽn đáp:

- Vi đại nhân đùa đấy thôi!

Vi Tiểu Bảo dằn mạnh:

- Quyết không phải đùa mà có nguyên do. Nghe nói Tây Thi là người Chư Kỵ, phủ Thiệu Hưng, Chiết Giang, mặt tuy đẹp nhưng người đất Thiệu Hưng nói năng "thanh âm lấp bắp", làm sao sánh được với giọng Tô Châu ngọt ngào dễ nghe như vương phi?

Trần Viên Viên mỉm cười gương mặt rạng rỡ hỏi lại:

- Hóa ra lại cũng có nguyên do. Thế nhưng Ngô Vương Phù Sai cũng ở đất Tô Châu, sao lại thích Tây Thi?

Vi Tiểu Bảo gãi đầu nói:

- Gã Ngô Vương Phù Sai kia tai hơi nghễnh ngãng nên mới thành ra thế.

Trần Viên Viên che miệng cười khúc khích, má đỏ hây hây, khoe thu ba long lanh, chiếc miệng anh đào hé mở, trong giây lát bao nhiêu sầu khổ đều tan biến, nét kiều mị tỏa đầy phòng. Vi Tiểu Bảo thấy lòng ảm áp, ngây ngất men say không còn biết mình đang ở đâu nữa, lại nghe bà ta tiếp tục hát lên:

*Đưa nàng mái chèo khua như khánh,
Tay người thôi chịu, biết về đâu?
Hồng nhan bạc mệnh dường như đã,
Thương thân lệ nhỏ ôi dầm bầu.*

Trời xanh sao nỡ để oan gia,

*Phận liễu nào ai kẻ xót xa,
Thân gái từ nay cung khép kín,
Nhật khoan khúc mới khách tìm hoa.*

Bà ta hát đến đây thở dài một tiếng nói:

- Tiện thiếp xuất thân từ chốn phong trần, thật cũng không dám dẫu...

Vi Tiểu Bảo hỏi:

- Thế nào mà bảo là xuất thân phong trần? Bà đừng nói văn hoa quá, văn hoa ta chẳng hiểu gì cả.

Trần Viên Viên đáp:

- Tiểu nữ tử vốn dĩ là kỹ nữ ở Tô Châu...

Vi Tiểu Bảo vỗ đầu gối nói:

- Hay lắm!

Trần Viên Viên hơi ngượng ngập, nói khẽ:

- Ấy cũng là phận thiếp mệnh bạc.

Vi Tiểu Bảo hết sức cao hứng nói:

- Ta với bà chỉ đồng đạo hợp, bản thân cũng xuất thân phong trần.

Trần Viên Viên mở to đôi mắt phượng trong suốt như nước mùa thu, hoang mang không hiểu ý nói gì, nghĩ thầm: "Y chẳng hiểu xuất thân từ cõi phong trần là gì cả". Vi Tiểu Bảo nói:

- Bà xuất thân nơi kỹ viện, ta cũng xuất thân nơi kỹ viện, có điều người ở Tô Châu, người ở Dương Châu mà thôi. Mẹ ta là gái đi Lệ Xuân Viện ở Dương Châu. Thế nhưng mặt mày mẹ ta so với bà thì một người như ở trên trời, một người như ở dưới đất.

Trần Viên Viên hết sức ngạc nhiên, dịu dàng hỏi lại:

- Đại nhân không nói đùa đấy chứ?

Vi Tiểu Bảo đáp:

- Cái đó có gì hay ho mà bảo là đùa? Ôi, ta quả cũng tệ bạc, đáng lẽ phải sai người đón má má về, đừng để bà ta làm đi nữa. Có điều xem ra mẹ ta ở Lệ Xuân Viện hí hả vui chơi, đưa về Bắc Kinh có khi lại không thích bằng.

Trần Viên Viên nói:

- Anh hùng không ngại thân hèn kém. Vi đại nhân quang minh lỗi lạc, không che đậy gì quả là bản sắc anh hùng.

Vi Tiểu Bảo đáp:

- Ta chỉ nói với một mình bà thôi, còn với người khác thì dẫu tiết, chứ không người ta chỉ mặt chửi là "đồ con nhà đi điếm" thì đâu chịu nổi. Trước mặt A Kha lại càng không nên nhắc đến, nàng đã coi ta chẳng ra gì, nếu biết thêm chuyện này thì vĩnh viễn sẽ không bao giờ nhìn mặt ta nữa.

Trần Viên Viên nói:

- Vi đại nhân cứ yên tâm, tiện thiếp không phải là kẻ lắm lời, vả lại chính mẹ của... mẹ của A Kha, cũng đâu có phải danh môn thực nữ.

Vi Tiểu Bảo nói:

- Nói tóm lại bà đừng nói gì với nàng cả. Sư tử cực kỳ ghét kỹ nữ, đã từng bảo thứ gái đó thật tệ hại chẳng ra gì.

Trần Viên Viên cúi đầu hỏi nhỏ:

- Y... y nói đàn bà trong kỹ viện, tệ hại... tệ hại lắm hay sao?

Vi Tiểu Bảo vội đáp:

- Vương phi đừng khó chịu, nàng ta không nói đến bà đâu.

Trần Viên Viên buồn rầu nói:

- Dĩ nhiên y không phải nói ta. A Kha có biết đâu ta là mẹ của nó.

Vi Tiểu Bảo ngạc nhiên hỏi lại:

- Nàng không biết bà là mẹ mình ư?

Trần Viên Viên lắc đầu:

- Y không biết đâu.

Bà ta nhìn ra đường như xuất thần, qua một hồi mới chậm rãi nói:

- Hoàng hậu của Sùng Trinh thiên tử họ Chu, cũng là người Tô Châu. Sùng Trinh thiên tử sủng ái Điền quý phi, hoàng hậu cùng Điền quý phi hai người tranh giành rất mãnh liệt. Cha của hoàng hậu là Gia Định Bá mới mua tiện nữ từ kỹ viện ra, đưa vào cung, hi vọng sẽ chia sẻ lòng yêu thương của hoàng đế với Điền quý phi...

Vi Tiểu Bảo xen vào:

- Cái kế đó thật là hay, Điền quý phi sẽ bị hỏng cả.

Trần Viên Viên nói:

- Cũng không có gì là thất sủng. Sùng Trinh thiên tử lo buồn chuyện nước, không ưa nữ sắc, ta ở trong cung chẳng bao lâu thì hoàng thượng đã bảo Chu hoàng hậu trục xuất ta ra khỏi cung cấm.

Vi Tiểu Bảo kêu lên:

- Lạ thật! Lạ thật! Ta nghe người ta nói Sùng Trinh hoàng đế có mắt không trông, chỉ nghe lời gian thần, giết luôn cả một đại đại trung thần là Viên Sùng Hoán. Hóa ra ông ta nhìn đàn ông đã mù mờ mà đến nhìn đàn bà thì cũng không có mắt, đến người đẹp như bà mà còn không chịu, chắc chắc, chắc chắc...

Y lắc đầu quầy quậy, tưởng như trên đời này không còn chuyện gì kỳ quái hơn nữa. Trần Viên Viên nói:

- Nam nhân có kẻ chỉ thích công danh phú quý, có kẻ chỉ thích vàng bạc tiền tài, còn làm hoàng đế thì phải lo sao bảo tồn quốc gia xã tắc chứ đâu phải người nào cũng thích đàn bà đẹp đâu.

Vi Tiểu Bảo đáp:

- Còn ta thì công danh phú quý cũng thích, kim ngân tài bảo cũng ưa, đàn bà đẹp lại càng khoái hơn nữa, chỉ có hoàng đế là không muốn làm, dù ai có cho cũng không thèm nhận. A ha, vậy mà trong thành Côn Minh này, lại có một người anh em, làm quan to đứng đầu thiên hạ, giàu có số một trên đời, lấy được mỹ nhân đệ nhất trần ai vậy mà còn mơ làm hoàng đế mới vừa lòng.

Trần Viên Viên mặt hơi biến sắc hỏi:

- Đại nhân nói Bình Tây Vương đấy ư?

Vi Tiểu Bảo đáp:

- *Ta chẳng nói ai cả nhưng gì thì gì người đó chẳng phải Trần Viên Viên mà cũng không phải Vi Tiểu Bảo.*

Trần Viên Viên tiếp:

- *Khúc hát này về sau nói đến ta gặp Bình Tây Vương như thế nào. Y đòi Gia Định Bá giao ta lại cho y rồi ra trấn thủ Sơn Hải Quan, để ta lại nhà tại Bắc Kinh, chẳng bao lâu Sám... Sám... Lý Sám... đánh vào kinh thành.*

Nói đến đây bà ta hát:

*Tục khách mềm môi khôn chuốc rượu,
Bẻ hoa hồ dễ đã thương hoa?
Bao giờ thoát khỏi vòng giam hãm,
Nhịp cầu Ô Thước bắc ngang qua?*

*Mắt xanh đâu phải nơi đàn phách?
Mòn môi xuân qua luống đợi chờ.
Đưa tin cánh nhạn nào đâu thấy,
Gặp người tri kỷ chỉ trong mơ.*

*Hẹn người đã khó gặp càng khó,
Àm àm quân giặc khắp Trường An.
Ngóng trông mắt vọng hàng dương liễu,
Mịt mù nào thấy bóng xe loan.*

Hát tới đây tiếng đàn tì bà cũng ngừng lại, ngơ ngẩn xuất thần. Vi Tiểu Bảo nghĩ khúc hát đã xong, vỗ tay khen ngợi nói:

- *Xong rồi hả? Hát hay quá, hát hay thiệt là hay, nghe thật mùi.*

Trần Viên Viên đáp:

- *Giá như ta chết ở nơi đây, khúc hát tới chỗ này đương nhiên chấm dứt.*

Vi Tiểu Bảo mặt đỏ bừng nghĩ thầm: "Con mẹ nó, lão tử là đồ vô học, Lý Sám tán công vào kinh thành, khúc hát nói về ông già của sư phụ ta là Sùng Trinh hoàng đế thì đã xong nhưng còn khúc hát về Trần Viên Viên thì đâu đã hết".

Trần Viên Viên nói khẽ:

- *Lý Sám đoạt được ta rồi, về sau Bình Tây Vương cướp lại. Ta không còn là người nữa, mà chỉ là một món đồ chơi, hễ ai khỏe thì được.*

Nói xong lại hát tiếp:

*Bỏ liễu một thân cam chịu vậy,
Lâu son đứng tựa vịn lan can.*

*Nếu như tráng sĩ không toàn thắng,
Ngọc bích quay về phận hồng nhan.*

*Mây ngài trên ngựa giục tiến tới,
Tóc xoã hồn xiêu dạt rối bời.
Bập bùng ánh lửa chìm biên tái,
Mặt hoa hoen đọng dấu châu rơi.*

*Trống chiêng giục già hướng Tân Xuyên,
Nghìn cỗ ngựa xe tiến rộn ràng.
Mịt mù sương khói hang Tà Cốc,
Điểm trang quan ngoại lúc chiều buông.*

*Tin lạ giờ đây đưa khắp nẻo,
Xuân đi thu lại đã bao mùa.
Bạn bè cam phận con đồ cũ,
Giặt lụa bên cầu một thuở xưa.*

*Chim sẻ ngày nào chung rú rít,
Tung cánh bay cao một phượng hoàng.
Tuổi xuân những tưởng đành chôn chặt,
Mấy ai kể cận bực quân vương.*

Bà ta hát hết câu "thiện hầu vương" lại ngơ ngẩn xuất thần nhưng lần này Vi Tiểu Bảo không dám hỏi đã hết chưa mà chỉ định bụng: "Trừ phi chính miệng bà ta bảo xong rồi, nếu không mình hỏi thêm e lại phô cái xấu ra". Chỉ thấy Trần Viên Viên u buồn nói:

- *Ta theo Bình Tây Vương đánh vào Tứ Xuyên, y được phong vương. Tin tức truyền đến Tô Châu, các chị em ngày cũ ở trong viện ai nấy đều ngưỡng mộ, nói ta thật may mắn. Bọn họ tuổi đã cao nhưng vẫn còn phải ở đó làm nghề cũ.*

Vi Tiểu Bảo nói:

- *Hỏi ở Lệ Xuân Viện, từng nghe người ta bảo rằng:*

*Mỗi hôm lại một ông chồng,
Đêm nào cũng được động phòng đố hoa.³*

³ 洞房夜夜換新人 – Động phòng dạ dạ hoán tân nhân

Ngày ngày vui vẻ như thế cũng không phải là không hay.

Trần Viên Viên đưa mắt nhìn y, thấy y hoàn toàn không có ý gì châm chọc, ngậm ngùi nói:

- Đại nhân tuổi còn nhỏ nên không hiểu được nỗi đau lòng của việc đó.

Nói xong lại ôm đàn lên, hát tiếp:

*Miệng người mai mĩ họa giang san,
Chí cả đồ vương giặc mộng con.
Long lanh khoé mắt đôi dòng lệ,
Minh châu thoả mộng đoạt eo thon.*

*Lò lững hoa rơi lạc giữa đời,
Sắc hương góc biển toả chân trời.
Nghiêng nước một thân âu chữ nghiệp,
Chàng Chu, phiên sứ cũng mong thôi.*

*Anh hùng ai chẳng kẻ đa tình,
Vợ con đâu vướng bận công danh.
Máu đào xương trắng nên tro bụi,
Riêng kẻ hồng nhan một tiếng mang.*

Trần Viên Viên nước mắt rưng rưng, ngừng tiếng đàn, nghẹn ngào nói:

- Ngô Mai Thôn tài tử biết rằng tuy tiện thiếp danh dương thiên hạ nhưng trong lòng khổ sở biết bao. Người đời chỉ ta hồng nhan họa thủy, làm mất giang sơn nhà Đại Minh, chỉ có Ngô tài tử biết ta là một người đàn bà yếu đuối, có tài sức gì đâu? Việc hay việc dở chỉ toàn do bọn đàn ông làm mà thôi.

Vi Tiểu Bảo đáp:

- Đúng đó, hàng nghìn hàng vạn binh mã Đại Thanh tiến vào, một mỹ nhân ẻo lả như bà, làm sao ngăn họ nổi?

Y nghĩ thầm: "Bà ta vừa đàn vừa hát chẳng khác gì thầy đồ giảng sách gầy đàn kể chuyện. Ta đưa đũa vài câu, tung hứng đôi chỗ cũng chẳng khác gì thằng cò mồi của thầy đồ. Nếu hai người đến hành nghề nơi trà quán ở Dương Châu thì thể nào tiếng hò reo cũng vang động đến vỡ tiệm mát. Ta có được bà ta cùng làm ăn thì hẳn khám khá lắm". Còn đang đắc ý lại nghe Trần Viên Viên hát tiếp:

*Ai chẳng thấy,
Gái Việt như hoa nhìn không chán.
Uyên ương đôi bạn một con tim,
Lối đi râm rạp rêu khôn mọc.
Hương toả mật mờ rộn tiếng chim.*

Thay áo dời cung xa vạn dặm,
Lương Châu khúc cũ luống chôn vùi.
Âm Ngô điệu mới nay đành nhận,
Cuồn cuộn về nam nước vẫn xuôi.⁴

Bà ta hát đến chữ "luu", ngân dài không dứt, tiếng đàn tì bà cũng vút lên cao, dần dần át cả tiếng hát, một hồi sau mới chậm lại nhẹ dần tưởng như nước đang lờ lững chảy rồi tan biến vào chốn xa xa.⁵

Nguyên bản và dịch âm Viên Viên Khúc

圓圓曲

吳梅村

鼎湖當日棄人間
破敵收京下玉關
慟哭六軍俱縞素
衝冠一怒為紅顏
紅顏流落非吾戀
逆賊天亡自荒蕪
電掃黃巾定黑山
哭罷君親再相見
相見初經田竇家
侯門歌舞出如花
許將戚里箜篌伎
等取將軍油壁車
家本姑蘇浣花里
圓圓小字嬌羅綺

Viên Viên Khúc

Ngô Mai Thôn⁶

Đình hồ đương nhật khí nhân gian,
Phá địch thu binh hạ Ngọc Quan.
Đồng khóc lục quân câu cáo tố,
Xung quan nhất nộ vi hồng nhan.
Hồng nhan lưu lạc phi ngô luyến,
Nghịch tặc thiên vong tự hoang yển.
Điện tảo Hoàng Càn định Hắc sơn,
Khóc bãi quân thân tái tương kiến.
Tương kiến sơ kinh Điền Đâu gia,
Hầu môn ca vũ xuất như hoa.
Hứa tương thích lý không hầu kỹ,
Đẳng thủ tướng quân du bích xa.
Gia bản Cô Tô hoán hoa lý,
Viên Viên tiểu tự kiều la y.

⁴ Bài thơ này ý tứ dạt dào và bóng bẩy, nhiều ẩn dụ. Người viết chỉ mượn ý để chuyển nghĩa rất phóng túng dùng cho bản dịch Lộc Đình Ký, hoàn toàn không lột tả ý hay lời đẹp của Viên Viên Khúc, xin độc giả lượng thứ.

⁵ Kim Dung, *Lộc Đình Ký*, quyển 4, hồi 32 (Hongkong: Minh Báo, 1981) tr. 1304-1315, bản dịch Nguyễn Duy Chính

⁶ Tự Tuấn Công, về sau đổi thành Mai Thôn, người đất Thái Thương, Giang Nam. Ông đỗ tiến sĩ năm Sùng Trinh thứ 4 (1631) làm biên tu Hàn Lâm Viện. Sau làm quan cho nhà Thanh lên đến tể tử Quốc Tử Giám.

夢向夫差苑裏游
宮娥擁入君王起
前親合是探蓮人
門前一片橫塘水
橫塘雙槳去如飛
何處豪家強載歸？
此際豈知非薄命？
此時只有淚沾衣。
薰天意氣連宮掖
明眸皓齒無人惜
奪歸永巷閉良家
教就新聲傾坐客。
坐客非鶻紅日暮
一曲哀弦向誰訴？
白晝通侯最少年
揀取花枝屢迴顧。
早携嬌鳥出樊籠
待得銀河幾時渡？
恨殺軍書底死催
苦留後約將人誤。
相約恩深相見難
一朝蟻賊滿長安
可憐思婦樓頭柳
認作天邊粉絮看。
遍索綠珠圍內第
強呼絳樹出雕欄
若非壯士全師勝

Mộng hướng Phù Sai uyển lý du,
Cung nga ủng nhập quân vương khí⁷.
Tiền thân hợp thị thái liên nhân,
Môn tiền nhất phiến hoành đường thủy.
Hoành đường song tởng khứ như phi,
Hà xứ hào gia cường tải qui?
Thử tế khởi tri phi bạc mệnh?
Thử thời chỉ hữu lệ triêm y.
Huân thiên ý khí liên cung dịch,
Minh mâu hạo xỉ vô nhân tích.
Đoạt qui vĩnh hạng bế lương gia,
Giáo tựu tân thanh khuynh tọa khách.
Tọa khách phi thương hồng nhật mộ,
Nhất khúc ai huyền hướng thù tố?
Bạch triết thông hầu tối thiếu niên,
Giản thủ hoa chi lữ hồi cố.
Tảo huê kiều điều xuất phàn lung,
Đãi đắc Ngân Hà kỳ thời độ?
Hận sát quân thư đề tử thôi,
Khổ lưu hậu ước tương nhân ngộ.
Tương ước ân thâm tương kiến nan,
Nhất triều nghĩ tặc mãn Trường An.
Khả lân tư phụ lâu đầu liễu,
Nhận tác thiên biên phẩn như khan.
Biến sách lục châu vi nội đệ,
Cường hô giáng thụ xuất điêu lan.
Nhược phi tráng sĩ toàn sư thắng,

⁷ Khởi nhưng có thể đọc là khi cho hợp vận

爭得蛾眉匹馬還？
蛾眉馬上傳呼進
雲鬢不整驚魂定
蠟炬迎來在戰場
啼粧滿面殘紅印
專征簫鼓向秦川
金牛道上車千乘。
斜谷雲深起畫樓
散關日落開粧鏡。
傳來消息滿江鄉
鳥柏紅經十度霜
教曲技師憐尚在
浣紗女伴憶同行。
舊巢共是銜泥燕
飛上枝頭變鳳皇
長向尊前悲老大
有人夫婿擅侯王。
當時只受聲名累
貴戚名豪競延致
一斛明珠萬斛愁
關山漂泊腰肢細
錯怨狂風揚落花
無邊春色來天地
嘗聞傾國與傾城
翻使周郎受重名
妻子豈應關大計
英雄無奈是多情
全家白骨成灰土
一代紅妝照汗青

Tranh đắc nga mi thất mã hoàn?
Nga mi mã thượng truyền hô tiến,
Vân mấn bất chỉnh kinh hồn định.
Lạp cự nghinh lai tại chiến trường,
Đề trang mấn diện tàn hồng ấn.
Chuyên chinh tiêu cổ hương Tần Xuyên,
Kim ngư đạo thượng xa thiên thặng.
Tà Cốc vân thâm khởi họa lâu,
Tán quan nhật lạc khai trang kính.
Truyền lai tiêu tức mấn giang hương,
Điểu cửu hồng kinh thập độ sương.
Giáo khúc kỹ sư lân thượng tại,
Hoán sa nữ bạn ức đồng hành.
Cự sào cộng thị hàm nê yên,
Phi thượng chi đầu biến phượng hoàng.
Trường hương tôn tiền bi lão đại,
Hữu nhân phu tể thiện hầu vương.
Đương thời chỉ thụ thanh danh lụy
Quý thích danh hào cạnh đình chí.
Nhất đầu minh châu vạn đầu sầu,
Quan sơn tiêu bạc yêu chi tế.
Thác oán cuồng phong tứ lạc hoa,
Vô biên xuân sắc lai thiên địa.
Thường văn khuynh quốc dữ khuynh thành,
Phiên sứ Chu lang thụ trọng danh.
Thê tử khởi ung quan đại kế,
Anh hùng vô nại thị đa tình.
Toàn gia bạch cốt thành khôi thổ,
Nhất đại hồng trang chiếu hãn thanh.

君不見

館娃初起鴛鴦宿
越女如花看不足
香徑塵生鳥自啼
屐廊人去苔空綠
換羽移宮萬里愁
珠歌翠舞古梁州
為君別唱吳宮曲
漢水東南日夜流

Quân bất kiến

Quán oa sơ khởi uyên ương túc,
Việt nữ như hoa khán bất túc.
Hương kính trần sinh điều tự đề,
Điệp lang nhân khứ đài không lục.
Hoán vũ di cung vạn lý sầu,
Chu ca thúy vũ cổ Lương Châu.
Vi quân biệt xướng Ngô cung khúc,
Hán thủy đông nam nhật dạ lưu.

Triều đại nào sụp đổ cũng có những dấu hiệu báo trước. Một vì vua hèn kém thích hưởng thụ, triều chính rối loạn, sưu cao thuế nặng, dân chúng đói khổ, quan lại tham nhũng... để rồi đưa đến cảnh loạn lạc nổi lên như rươi. Thế nhưng khung cảnh chính trị của cuối đời Minh bên cạnh những yếu tố nội tại còn có nhiều yếu tố khách quan mang tính chất xu thế thời đại mà người chép sử lầm khi bỏ qua. Sự thay đổi từ một triều đình của người Hán sang tay một triều đình dị tộc ngoài quan ải chắc chắn không phải chỉ vì sắc đẹp của một kỹ nữ như Kim Dung đã chép trong Lộc Đĩnh Ký. Giữa sử sách và tiểu thuyết đôi khi khác nhau một trời một vực.

LỊCH SỬ

Triều Minh khởi đầu khi Minh Thái Tổ Chu Nguyên Chương đui đui người Mông Cổ lên ngôi hoàng đế năm 1368, niên hiệu Hồng Võ và chấm dứt khi vua Tư Tông, niên hiệu Sùng Trinh thất cổ chết năm 1644, tổng cộng 276 năm bao gồm 18 đời. Tuy sau đó còn một số hậu duệ họ Chu tiếp tục chiến đấu xưng vương xưng đế nhưng không được coi là chính thống. Sự thành công của Chu Nguyên Chương được nhiều sử gia đánh giá là do quân đội nghiêm minh và có tài tổ chức. Minh Thái Tổ cũng làm vua một thời gian khá dài (1368-1398) nên xây dựng được một cơ cấu chính quyền qui mô làm nền tảng cho đế quốc Đại Minh. Tuy nhiên, ngay từ đời Minh Thành Tổ (Vĩnh Lạc) thì triều chính đã có phần suy bại và liên tiếp 150 năm sau đó, triều Minh càng lúc càng xuống dốc.

Triều đình

Đời Minh khác với những triều đại khác là hoạn quan được trọng dụng mặc dầu ngay từ đầu, Chu Nguyên Chương đã có chỉ thị con cháu không được tin dùng thị thân đồng thời giảm thiểu vai trò của các văn quan, gia tăng quyền lực cho hoàng đế.

Đứng đầu của lục bộ là Trung Thư Lệnh, một chức vụ tương đương như thừa tướng của các triều đại trước nhưng bị tiết giảm nhiều, chỉ còn là một cơ quan hành chính. Năm 1380, vua Hồng Võ giết Hồ Duy Dung (胡維庸) và bãi bỏ cơ cấu này vì e ngại quyền hành của Trung Thư Lệnh có thể ra ngoài tầm kiểm soát đưa đến việc soán ngôi. Trong một chiếu chỉ, Minh Thái Tổ viết rõ là "nếu sau này người nào đưa ra ý kiến lập lại chức thừa tướng thì kẻ đó sẽ bị lăng trì, toàn tộc tru di".⁸

Tuy các đại học sĩ có thể có nhiều quyền hành nhưng vẫn tùy thuộc vào sự tin cậy và chọn lựa của nhà vua nên không thể nào can gián hay khuyến nghị một khi thiên tử phạm sai lầm. Bên cạnh vua có Nội Các (Grand Secretariat), trên danh nghĩa cũng lớn nhưng thực tế chỉ là một số thư ký của hoàng đế, cấp bậc thấp kém (ngũ phẩm). Càng về sau, nhà vua càng ỷ lại vào đám cận thần này để thay mình lo việc triều chính nên họ tìm mọi cách để gia tăng quyền hành trên thực tế.

Một trong những nguyên nhân suy vi của triều Minh là nạn hoạn quan chuyên quyền. Nhà Minh tuyển hoạn quan theo bốn cách:

- Mỗi khi đem quân đi chinh phục các bộ lạc thiểu số hay các quốc gia chung quanh, nhà Minh chủ trương một đường lối diệt chủng rất tàn ác. Ngoài việc chém giết rất dã man, quân Minh còn bắt đi rất nhiều thanh, thiếu niên đem về làm hoạn quan phục vụ trong triều. Ngay nước ta cũng có nhiều hoạn quan bị bắt buộc sinh sống tại kinh đô trong đó Nguyễn An là một kỹ sư nổi tiếng, đóng góp nhiều công lao trong việc họa kiều và kiến tạo thành Bắc Kinh. Hai người khác cũng thuộc dân tộc thiểu số mà chúng ta nghe danh là Trịnh Hoà và Uông Trục.
- Triều đình nhà Minh cũng bắt các phiên thuộc hàng năm phải triều cống một số hoạn quan trong đó nước ta và Triều Tiên là hai quốc gia chính, có lẽ vì hình dáng người Việt và người Cao Ly gần gũi với người Hán hơn cả.

⁸ Albert Chan, *The Glory and Fall of the Ming Dynasty* (Norman: University of Oklahoma Press, 1982), tr. 21

- Một số tội nhân và thân tộc của những người bị hình án cũng bắt buộc phải thiến để nhập cung làm quan thị.
- Đông hơn hết là những trẻ em con nhà nghèo phải bán mình vào cung, tự nguyện yếm cát coi như một nghề sinh nhai.

Ngay từ đầu, Minh Thái Tổ đã cho khắc một tấm bia ngay trước cung điện, ghi rõ: "*Hoạn quan không được tham dự triều chính, ai vi phạm sẽ bị tử hình*". Về sau ông lại còn nghiêm khắc hơn ra lệnh không cho hoạn quan mặc triều phục và không được cao hơn tứ phẩm.

Thế nhưng ngay sau khi ông qua đời, vua Vĩnh Lạc cướp ngôi của cháu (vua Kiến Văn) vì có đấm nội thị làm tay trong nên đã thay đổi chính sách, ban cho hoạn quan tước vị và giao cho họ cả những nhiệm vụ quân sự. Số hoạn quan được tuyển dụng cũng tăng vượt mức từ trước tới giờ và đời Vạn Lịch ngay tại kinh đô có đến trên 10,000 người. Vì vua chúa suốt ngày ở trong cung cấm, hoạn quan trở thành đường dây duy nhất truyền đạt mệnh lệnh và tin tức giữa hoàng đế và các quan nên vai trò của họ thành quan trọng. Những ai muốn được lòng nhà vua đều phải thông qua thái giám trước.⁹

Từ cuối thế kỷ XVI thì hoạn quan càng lúc càng nhiều quyền hành, lập nên Đông Xưởng để không chế binh quyền và tra tấn các quan lại chống lại họ. Quyền hành của hoạn quan càng lúc càng lớn, về sau tham dự vào cả quyết định của nhà vua. Các vương tử cũng cấu kết với hoạn quan để làm giàu, trở thành một giai cấp quý tộc sống xa xỉ và cách biệt với quần chúng. Tài sản của nhiều thân vương và hoạn quan lên đến mức không thể tưởng tượng nổi trong khi ngoài đường dân chết đói.

Quân sự

Đầu đời Minh, tổ chức binh bị của Trung Hoa khá chu đáo và có nhiều cải tiến về huấn luyện cũng như về trang bị. Nhà Minh tổ chức theo phép gọi là "*vệ sở cheá*" tương tự như "*phủ binh cheá*" đời Đường. Mỗi đơn vị gọi là một sở có 1128 người, bốn sở thành một vệ vào khoảng 5600 người. Những đơn vị đó được chia ra trấn giữ những khu vực hiểm yếu, nhiều vệ hợp lại dưới quyền một đô chỉ huy sứ là chức võ quan cao cấp nhất tại địa phương.

Tất cả các vệ sở trong toàn quốc đặt dưới quyền của Ngũ Quân Đô Đốc Phủ nhưng phủ Đô Đốc lại do Bộ Binh điều động trong thời chiến. Nói tóm lại Bộ Binh đưa ra mệnh lệnh và các nguyên tắc, phủ Đô Đốc chỉ làm nhiệm vụ thi hành. Việc điều động quân đội từ vùng này sang vùng khác, đề cử cấp chỉ huy mỗi khi có chiến dịch cốt để tránh việc tập trung quyền hành vào một cá nhân gây ra nạn chuyên quyền như trong các triều đại cũ.

Nhà Minh cũng phối hợp binh chế với hệ thống "*đồn điền*" là phép nuôi binh mà người Trung Hoa đã dùng từ xưa. Mỗi binh sĩ được cấp phát một số ruộng đất, cả nông cụ để tự canh tác và nuôi sống bản thân, gia đình để nhẹ gánh cho quốc gia. Việc phối hợp đó khiến cho nhà Minh vừa có thể dẫn dân ra những nơi đất rộng người thưa, vừa gia tăng canh tác và sản xuất. Theo Minh Sử, 70% quân sĩ đóng ở biên giới làm nghề nông trong khi chỉ có 30% đóng vai trò canh gác còn trong nội địa thì số binh sĩ trở về làm ruộng lên đến 80%.

Chính vì hệ thống này, nhà Minh có đến hơn một triệu quân, sản xuất ra được hơn 5 triệu担¹⁰ gạo, không những đủ ăn mà còn có thể nuôi cả các cấp chỉ huy. Mỗi lần viễn chinh, nhà Minh

⁹ Jonathan D. Spence, *The Search for Modern China* (New York: W.W. Norton & Company, 1990) tr. 16

¹⁰ 1担 là một trăm cân, khoảng 60 kg, ta quen đọc là thạch.

cũng có thể điều động một đội quân khá lớn mà các triều đại khác không thể bì kịp, chẳng hạn như đem 25 vạn quân đánh chiếm Vân Nam (Đại Lý cũ) năm 1382 rồi năm 1406 lại đem hơn 20 vạn quân sang đánh nước ta (sử nhà Minh chép là tổng số quân điều động lên đến 80 vạn, có lẽ gộp chung cả việc đánh Miến Điện, Lan Na và Vân Nam).¹¹

Ngoài phép "đồn điền", nhà Minh còn áp dụng phép "khai trung" là việc cho phép một số thương gia được buôn bán và phân phối muối để đảm phụ cho những binh lính đóng dọc theo biên giới vì những khu vực này đất đai không được màu mỡ như trong nội địa.

Tuy nhiên chỉ sau khi nhà Minh được thành lập vài chục năm, quân đội không còn uy thế như lúc đầu mà dần dần trở thành một loại sai dịch cho triều đình và quan lại. Các quan địa phương cũng dần dần coi sóc luôn cả việc binh bị và những chức vụ văn võ càng ngày càng chồng chéo lên nhau khiến cho việc điều động trở nên khó khăn và phức tạp.

Nhà Minh lại chia quân đội ra làm hai loại: Ở hai kinh (Nam Kinh và Bắc Kinh) có nội vệ hay kinh vệ còn ở bên ngoài có ngoại vệ đóng rải rác khắp nơi trên toàn quốc. Nội vệ bao gồm ba doanh: Ngũ Quân Doanh, Tam Thiên Doanh và Thần Cơ Doanh. Ngũ Quân và Tam Thiên được tổ chức khi đánh nhau với Mông Cổ còn Thần Cơ Doanh tức binh đội chuyên sử dụng súng đại bác được tổ chức từ sau khi chiếm được nước ta và nhà Minh đã thu được một số súng ống của nhà Hồ, bắt chước chế tạo để thành lập ra đội quân này¹². Chính một kỹ sư có tài người nước ta là Hồ Nguyên Trừng, con trai lớn của Hồ Quý Ly, đã bị bắt giải về Bắc Kinh để trông coi việc chế tạo súng ống trang bị cho Thần Cơ Doanh.¹³

Kinh quân lên đến cao điểm thời Thành Tổ (Vĩnh Lạc) khoảng 1 triệu quân và đã đánh với Mông Cổ sáu lần từ năm 1403 đến 1435. Thế nhưng sau đó đoàn quân này bị thảm bại và trong trận Thổ Mộc Bảo năm 1449 bị giết sạch chỉ còn chưa đầy một vạn. Chính vua Minh lúc đó là vua Anh Tông (Chính Thống) cũng bị bắt làm tù binh, người em lên nối ngôi tức vua Thái Tông (Cảnh Thái).

Cũng như nhiều triều đại khác, nhà Minh rất ngại việc các dân tộc miền bắc trở thành một lực lượng đe dọa nên ngoài việc tu bổ trường thành, triều đình cũng tập trung một lực lượng phòng vệ thường trực rất lớn đóng dọc theo biên cảnh tới sát tận Liêu Đông vòng qua Bắc Hải. Vào thế kỷ thứ XV, họ có đến 25 địa điểm đồn trú (vệ sở) nhưng đến thế kỷ thứ XVI thì về phẩm lẫn lượng càng ngày càng kém dần, nhiều đơn vị chỉ còn là những đội quân ma chỉ hiện hữu trên giấy tờ. Nhà Minh lúc này phải trông cậy vào những phiên trấn (frontier feudalism) – một loại chúa tể của từng vùng để chống giữ. Những lãnh chúa đó được cha truyền con nối và trên danh nghĩa họ là quan chức triều đình nhưng thực tế quân đội là thân binh riêng của họ.

¹¹ Geoff Wade, *The Zheng He Voyages: A Reassessment* (Singapore: Asia Research Institute, 2004)

¹² Theo *Minh Thái Tông thực lục* thì nhà Minh còn bắt của nước ta 7600 thương nhân và thợ khéo trong đó có một số kỹ sư chuyên về đúc súng đem về Nam Kinh.

¹³ Chinese armies had employed firearms before the fifteenth century, but they came to possess superior weapons from Annam during the Annamese campaigns of the early fifteenth century. They also captured one of the leading Annamese firearms experts, Lê Trừng (1374-1446), the eldest son of Lê Quý Ly, who was charged with manufacturing their superior muskets and explosive weapons. The Artillery Camp was thus built around these Annamese firearms specialists, who instructed Ming soldiers under the supervision of palace eunuchs. Frederick W. Mote and Denis Twitchett (ed), *The Cambridge History of China: The Ming Dynasty 1368-1644* (vol. 7, Part I) (Cambridge: Cambridge University Press, 1997) tr. 248

Kinh nghiệm của quá khứ cho thấy người Trung Hoa rất sợ những bộ tộc vùng bắc trường thành có thể kết hợp được với nhau để thành một lực lượng thống nhất và họ có thể xâm lăng miền nam. Thành thử cũng như nhiều triều đại trước đây, nhà Minh tìm đủ mọi cách để chia rẽ và mỗi bộ tộc coi như một tiểu quốc chư hầu. Nếu có ai trở nên vượt trội thì họ sẽ tìm một thế lực khác cùng được phong tước hiệu làm miếng mồi nhử cho họ cấu xé lẫn nhau. Chính sách chia để trị đó đã giữ Trung Hoa được yên ổn trong một thời gian khá lâu.

Từ đời Vạn Lịch, hầu hết các vệ sở được coi như những đoàn lính đánh thuê (mercenaries). Trên giấy tờ, tổng số quân vào khoảng gần một triệu trong đó khoảng 30 vạn trấn đóng biên phòng, 60 vạn còn lại đóng ở hai kinh và các tỉnh nhưng khả năng cũng như lương bổng đều thấp kém. Nhiều lần chính binh sĩ nổi lên giết quan lại và cướp bóc dân chúng vì không được trả lương, các võ quan thì "tống tiền" văn quan để có đủ chi phí¹⁴. Albert Chan miêu tả quân đội nhà Minh như sau:

Nói chung, quân lính đánh thuê của nhà Minh cũng kém cả về phẩm (low quality). Họ được trưng binh từ dân nghèo, bọn vô lại du thủ du thực, và về sau cả đến bọn cướp nữa. Họ cũng chẳng được huấn luyện quân sự bao nhiêu, thành ra chẳng có kỷ luật. Lương đã thấp mà trang bị lại kém cỏi nhưng triều đình không còn biết sao nếu không dựa vào họ.

Ngay cả đến quân đội trấn đóng tại kinh thành – vốn dĩ là thành phần tinh nhuệ nhất – cũng chẳng hơn gì:

Trên giấy tờ thì kinh doanh (京營) vào khoảng 120,000 người nhưng một nửa số đó không có mặt, còn lại là thành phần lưu manh, không thể nào tin cậy để bảo vệ kinh thành được một khi có chiến tranh. Triều đình cũng không dám cải tổ hay huấn luyện gì cả, e ngại họ nổi loạn.¹⁵

Trong nhiều trường hợp, danh sách lính chỉ có trên giấy tờ, khi quân đội được điều động đến nơi trú đóng đều trốn cả. Việc triều đình không tin cậy vào lính, lính mất niềm tin ở cấp trên đã trở thành một trong những nguyên nhân chính yếu về sự thoái trào của nhà Minh vào thế kỷ XVII.

Vũ khí

Nhà Minh đã có một thời đạt được những thành tựu đáng kể về phát triển hỏa khí, điển hình là việc xâm lăng Đại Việt trong đó quân Minh sử dụng nhiều loại vũ khí nặng. Chiến tranh luôn luôn tạo nên những nỗ lực cải tiến về quân sự và việc người Mông Cổ xâm chiếm Trung Hoa đã đưa đến nhiều thành tựu mới cho cả hai phía. Ngay cả các quốc gia vùng Đông Nam Á, trong đó có nước ta, cũng đã chủ động nhiều canh tân quốc phòng nhất là về hải phòng nên đánh bại được đoàn quân viễn chinh vào cuối thế kỷ XIII.

Ngoài việc tổ chức được một đạo quân có lưu động tính cao, người Mông Cổ cũng sử dụng nhiều loại súng bắn đá và thuốc nổ để công hãm thành trì và kỹ thuật chế tạo súng được nhà Minh kế thừa (kể cả việc họ thu dụng những kỹ thuật tối tân hơn của vùng Đông Nam Á trong đó có Hồ

¹⁴ ... orders would arrive from military commanders, some demanding grain and hay, others mules and sacks, or cauldrons and horses. Albert Chan, sđd. tr. 203

¹⁵ Albert Chan, sđd. tr. 202

Nguyên Trùng là một kỹ sư cơ giới có tài của nước ta). Chính vì thế mà thế kỷ XIV được nhiều nhà nghiên cứu coi như một thời kỳ cách mạng quân sự (military revolution) của Trung Quốc.¹⁶

Cuộc cách mạng đó phát xuất từ nhu cầu trang bị cho hải thuyền để có thể tấn công từ xa thay vì cận chiến, khởi đầu từ đời Minh Thái Tổ (Chu Nguyên Chương) khiến người Trung Hoa đã có một thời nổi tiếng trên mặt biển.¹⁷ Vào thế kỷ XV, các chiến thuyền của họ đã trang bị 50 súng ống đủ loại cùng 1000 viên đạn. Thế nhưng dù họ có nhiều tàu bè lớn nhưng hải quân nhà Minh lại không thể đối phó hữu hiệu với cướp biển vì công kênh và khó tiếp vận khi đã ra khơi và điều đó khiến cho họ mất tin tưởng vào súng ống nên lại quay trở về với vũ khí cổ điển và chiến tranh trên bộ.¹⁸

Tới trung điệp nhà Minh, vũ khí của họ dần dần bị lạc hậu và họ phải dựa vào súng ống mua của người Bồ Đào Nha để phòng ngự miền bắc.

*“... Loại súng thần công mạnh có xuất xứ từ hồng di (red-haired barbarians). Người di Hào Kính Áo (濠鏡澳) (tức người Bồ Đào Nha ở Macao) ở Quảng Đông biết cách làm. Trời đã thương chúng ta nên mới có bọn di ở Áo giúp ta giữ thành...”*¹⁹

Thế nhưng người Mãn Châu cũng tìm cách để mua súng ống của Tây phương và nhờ thế họ chiến thắng quân Minh, tịch thu được nhiều súng ống. Theo một báo cáo của quan nhà Minh thì “bọn đông di đã lấy mất 5, 60 khẩu súng và vài triệu cân thuốc nổ để thực tập và đánh lại quân ta (tức quân Minh)...”. Cũng theo tấu thư này thì Nurhaci (1559-1626) nhà Thanh có dưới tay 2 vạn lính và tìm đủ cách để trang bị cho họ.²⁰ Và nào phải chỉ kẻ thù từ bên ngoài mới có nhiều súng ống, chính những đám lưu khấu²¹ nổi lên ở trong nước cũng được trang bị hùng hậu. Lạ lùng nhất, Trương Hiến Trung có đủ loại vũ khí mua được từ... Việt Nam.²²

Năm 1640 khi quân nổi dậy tấn công Sơn Đông họ cũng có rất nhiều súng và ở Bộc Châu (濮州) quân Minh tịch thu được 203 khẩu đại pháo và hơn 500 súng tay. Năm 1642, Tả Lương Ngọc bị Lý Tự Thành đánh bại chỉ vì hoả lực kém đối phương.

¹⁶ Sun Laichen, “Military Technology Transfers from Ming China and the Emergence of Northern Mainland Southeast Asia (c. 1390-1527)” *Journal of Southeast Asian Studies*, vol. 34, 3 (10-2003) tr. 497

¹⁷ nhiều người cho rằng hoả lực của nhà Minh đã làm cho nhiều tiểu quốc ở Nam Á khiếp sợ trong bảy lần viễn du của Trịnh Hoà và tạo được chiến công đánh bại hải đội Bồ Đào Nha (Portuguese flotilla) năm 1522.

¹⁸ Geoffrey Parker, *The Military Revolution: Military innovation and the rise of the West 1500-1800* (New York: Cambridge University Press, 1996) tr. 83-4

¹⁹ Albert Chan, sđd. tr. 345

²⁰ Albert Chan, sđd. tr. 346

²¹ Để tránh sự truy lùng của quan quân, những đám nổi dậy thường lưu động từ vùng này sang vùng khác nên được gọi là lưu khấu (流寇). Một khi có thủ lĩnh nào bị giết, người kế vị thường lấy luôn tên của người quá cố khiến cho triều đình không thể biết được là đã loại trừ được người nào.

²² “By this time the rebels were expert in the use of fire-arms. Chang Hsien-chung, for instance, possessed fire-arms of all kinds, which he had obtained from Annam”. Albert Chan, sđd. tr. 347. Điều này cho ta thấy một sự thực là trong thời kỳ phân liệt ở nước ta nói riêng và tình hình nhiễu loạn ở vùng Đông Nam Á nói chung, việc thủ đắc kỹ thuật mới đã trở thành một vấn đề sinh tử đảo ngược lại một số luận đề cho rằng kỹ thuật chiến tranh truyền từ phương bắc xuống mà thực tế là đi từ miền nam lên.



Súng thần công của quân Thanh

Việc đối phó với các lực lượng Mãn Châu lại còn nặng nề hơn. Ngay từ năm 1564, nhà Minh đã thay thế các loại đạn đất sét bằng đạn chì, tới năm 1568 lại thay bằng đạn sắt và liên tục củng cố trường thành, xây thêm lỗ châu mai (pill-boxes) và thần công có bánh xe (battle wagons) để tăng lưu động tính, mỗi xe có hai chục binh sĩ đảm trách.²³ Theo những hình vẽ trong *Thái Tổ thực lục* đời Thanh thì quân Minh được trang bị rất nhiều đại pháo đủ loại nhưng lại thất bại trước kỵ binh Mãn Châu chỉ dùng cung tên. Tuy nhiên, ưu thế của quân Thanh không phải do vũ khí vì mãi đến sau năm 1629, khi họ bắt được một số pháo đội của quân Minh trấn đóng ở các thành phố bảo vệ trường thành thì súng ống mới dần dần chuyển giao sang đối phương.

Kinh tế - Xã hội

Cuối đời Minh, để có đủ ngân sách chi phí cho chiến tranh, nhà Minh nhiều lần gia tăng thuế khoá, gọi là Liêu hướng (tiền để đánh quân Liêu - 遼餉), tổng cộng chỉ trong ba năm đời Vạn Lịch đã lên tới 5,200,000 lượng bạc. Đến khi lưu khẩu nổi lên thì triều đình lại đánh thuế mới gọi là tiểu hướng (勦餉) 2,800,000 lượng và luyện hướng (鍊餉) 7,300,000 lượng. Tổng số trước sau lên đến 16,950,000 lượng bạc.²⁴ Theo báo cáo của triều đình, trong khoảng từ 1480 đến 1520 chi phí biên phòng vào khoảng 430,000 lượng hàng năm nhưng tới đời Gia Tĩnh (1522-1566) con số lên đến 1,100,000 lượng, còn đời Long Khánh lên đến 2 hoặc 3 triệu lượng.²⁵ Vậy mà cũng chưa đủ nên nhiều khi Bộ Binh phải mượn tiền các nơi khác để mua ngựa chiến. Người ta tính ra có đến 1/3 lợi tức quốc gia được dùng để chi trả cho binh bị.

So sánh với đời Chính Thống trở về trước, mức thuế gia tăng đến 7, 8 lần, gây ra cảnh dân cùng tài tận, từ đó thành loạn lạc. Binh sĩ có khi đến 6, 7 tháng không có lương, riêng Diên Tuy (延綏) thì hai năm rưỡi chưa được trả.²⁶

Riêng các vùng Thiểm Tây, Diên An người dân đói quá phải ăn cả vỏ cây và đất, có nơi ăn thịt trẻ con. Sử chép rằng dưới đời Thành Hoá, nhiều vùng cả nghìn dặm bỏ hoang, người chết đầy đồng, không biết bao nhiêu mà kể. Đời Gia Tĩnh ba năm đại hạn, đi hơn một trăm dặm không nghe một tiếng gà gáy, cha con vợ chồng đói cho nhau để ăn thịt (hỗ dịch nhất bão - 互易一飽) nên gọi là chợ người (nhân thị - 人市).²⁷ Người dân lúc nào cũng nom nớp lo sợ vì có thể bị vu

²³ Geoffrey Parker, sđd. tr. 137

²⁴ Tiền Mục: *Quốc Sử Đại Cương* (1998) quyển hạ tr. 822-3

²⁵ Albert Chan, sđd. tr. 197-8

²⁶ Albert Chan, sđd. tr. 198

²⁷ Tiền Mục, sđd. tr. 823

oan giá hoạ để tống tiền như gia đình nàng Kiều đòi Gia Tĩnh mà chúng ta đã quen thuộc qua tác phẩm của Nguyễn Du.

Tình hình trở thành một cái vòng luẩn quẩn, giặc già nên phải tăng thuế, tăng thuế dân chúng đói khổ, binh lính đào ngũ đi làm giặc. Vậy mà triều đình vẫn đổ tiền ra chi phí vào những việc đầu đầu, chẳng hạn như lễ đăng quang của vua Sùng Trinh đã chi hết 2 triệu rưỡi lạng bạc để khao quân (mỗi người lính 2 lạng bạc). Nhiều tướng lãnh khai số quân tăng vọt chỉ cốt để thâm lạm tiền của triều đình.

Theo qui chế, ruộng của các vương tử và các quan lại được miễn thuế. Theo giáo sĩ Mateo Ricci thì:

Những người có liên hệ huyết thống với hoàng gia đều được trợ cấp bằng tiền của quân chúng. Hiện nay số người đó tính ra khoảng trên 60,000 và vẫn tiếp tục tăng lên, đủ biết gánh nặng là chừng nào. Những người đó không giữ chức vụ hành chánh, chỉ sống một cuộc đời nhàn hạ và hoang đàng...²⁸

Nói chung, tình hình Trung Hoa vào giữa thế kỷ thứ XVII là một tình hình hết sức bi đát. Nạn đói xảy ra khắp nơi, cộng thêm loạn lạc và thiên tai khiến cho ruộng bỏ hoang rất nhiều. Năm 1645, số ruộng cày cấy của cả nước Tàu là 405,690,504 mẫu (khoảng 66,800,000 acres) chỉ bằng 35% số ruộng canh tác năm 1602 là 1,161,894,881 mẫu (176,000,000 acres)²⁹. Chín mươi phần trăm dân chúng tại nông thôn không có ruộng đất chỉ là tá điền.

Cũng theo giáo sĩ Ricci thì những người không nuôi nổi con đều đem bán chúng làm nô lệ. Người ta bán cho người cùng xứ đã đành mà còn bán cho các thương nhân Bồ Đào Nha hay Tây Ban Nha để đưa ra nước ngoài. Ông ta cũng ghi nhận một tệ trạng rất độc ác của người Trung Hoa (còn lưu lại đến tận ngày nay) là việc giết những hài nhi nữ (female infants) bằng cách trن nước cho chết.

Nhà Minh trong những năm cuối cùng tứ bề thọ địch. Những cuộc nổi dậy liên tiếp khiến cho binh lực bị phân tán không còn đủ sức chống giữ những vị trí hiểm yếu. Không chỉ cứ người Hán, những dân tộc sống tại các vùng biên giới phía tây và phía nam cũng nổi lên chống lại triều đình, thành phần thực là phức tạp. Một số đông lại chính là tướng lãnh cấp nhỏ và binh sĩ đào ngũ vì quá cơ cực và lương bổng bị xén bớt. Thành phần đó chủ yếu lại chính là những người trấn đóng ở biên tái để ngăn chặn các giống rợ từ phương bắc và phương tây nên vô hình chung mở lối cho ngoại tộc tấn công. Nhà Minh vừa giảm thiểu binh sĩ lại gia tăng cường khẩu nghĩa là vừa cả thủ trong lẫn giặc ngoài.

²⁸ Hilda Hookham, *A Short History of China* (New York: New American Library, 1972) tr. 260

²⁹ Robert B. Oxnam, *Ruling From Horseback – Manchu Politics in the Oboi Regency, 1661-1669* (Chicago and London: The University of Chicago Press, 1975) tr. 8

NHỮNG VỤ NỘI DẬY CUỐI ĐỜI MINH

Năm 1633 tình hình xã hội và kinh tế của Trung Hoa trở nên cực kỳ bi đát. Nông nghiệp ở miền Nam sút giảm nghiêm trọng. Trước đây, triều đình nhà Minh thường trông cậy vào sản lượng từ phương nam để cung cấp cho kinh đô, mỗi năm khoảng 4 triệu thạch gạo, đến nay thì không còn nữa. Tình trạng khó khăn đó hiện hữu từ đời Vạn Lịch, đến đời Sùng Trinh thì không còn cách gì cứu vãn nữa.

Những tỉnh miền bắc lại luôn luôn bị các giống dân du mục như Mông Cổ, Nữ Chân (Mãn Châu sau này) từ quan ngoại vào xâm chiếm, trong triều thì hoạn quan gần như thao túng mọi quyền lực. Người dân không đủ ăn nên không cách gì đóng thuế, quan lại những nhiều khiến cho một số đông phải bỏ nhà đi theo những đám giặc.

Nhiều tỉnh trừ phú dọc theo duyên hải và sông Dương Tử, các vùng Dương Châu, Thông Châu lại bị hải khấu vào cướp bóc khiến các thương nhân buôn muối, khai thác hầm mỏ nay không còn cách gì sinh sống cũng trở thành ăn cướp.

Trong số những đám "giặc" cuối đời Minh, hai tay kiệt kiệt nhất là Trương Hiến Trung (張獻忠) và Lý Tự Thành (李自成) mà các sử gia Hoa lục vẫn đề cao như "nông dân khởi nghĩa".

Trương Hiến Trung (1606-1647)

Trương Hiến Trung sinh năm 1606, người gốc Thiểm Tây (陝西), thuở trẻ làm lái buôn, sau làm một chức quan nhỏ. Đầu đời Sùng Trinh, Trương theo Cao Nghinh Tường (高迎祥) cho tới năm 1636 khi họ Cao bị triều đình bắt được đem ra xử tử thì tự lập riêng một cõi. Tuy nhiên trong hai năm liên tiếp, quân của Trương bị quân Minh đàn áp nên năm 1638 y phải về hàng nhưng chỉ ít lâu sau lại nổi dậy.

Trong một thời gian ngắn, lực lượng của Trương Hiến Trung bùng lên rất mạnh, có lúc dưới tay đến vài chục vạn quân, làm chủ một vùng rộng đến vài tỉnh. Đến mùa thu năm 1641, Trương Hiến Trung bị Tả Lương Ngọc (左良玉) đánh bại suýt nữa thì bị bắt sống. Thế nhưng chỉ đến cuối năm, họ Trương lại tập hợp được với một bọn giặc ở An Huy và lực lượng lại phát triển rất nhanh chóng. Việc Trương Hiến Trung và Lý Tự Thành cứ bị đánh gần tan lại trỗi dậy được một phần cũng vì chính sách của nhà Minh muốn chiêu an nên khi nào suy yếu thì họ lại ra hàng để xây dựng lực lượng đến khi đủ mạnh lại nổi lên.

Năm 1643, y đưa quân về Hán Dương và Vũ Xương cướp phá cung điện của Sở vương Chu Hoa Khuê (朱華奎) lấy được rất nhiều tài vật. Theo *Bình Khẩu Chí*, quyển 6 thì Trương "thu hết mấy trăm vạn lượng vàng bạc trong cung, vài trăm xe chở không đủ"³⁰. Sở vương và toàn gia bị giết, Trương Hiến Trung tự xưng là Đại Tây Vương. Thế nhưng chỉ ba tháng sau, Trương Hiến Trung lại bị đánh bại phải chạy về Trảng Sa mặc dầu vẫn giữ để vị và bắt đầu xây dựng đền đài cung viện. Năm 1644, họ Trương chiếm được Thành Đô thuộc tỉnh Tứ Xuyên, chọn nơi đây làm kinh đô.

Ở đây, Trương Hiến Trung thiết lập một chính quyền với đầy đủ các cơ quan như một triều đình thực sự, mở khoa thi, đúc tiền... để tính kế lâu dài. Theo sử sách Trung Hoa thì Trương Hiến Trung chỉ là một tên giặc lớn, tàn nhẫn và khát máu nhưng đối với một số giáo sĩ ngoại quốc đã

³⁰ 盡取宮中金銀各百萬，輦載數百車不盡 tận thủ cung trung kim ngân các bách vạn, liền tải số bách xa bất tận (trích lại theo Bạch Thọ Di, *Trung Quốc Thông Sử* (1989), quyển 16, tr. 2105)

sống tại Trung Hoa thời đó thì y lại được đánh giá khá cao. Theo tường thuật của Thomas Ignatius Dunin Spot trong "Collectanea Historiae Sinensis 1641 ad 1700" (tài liệu của Society of Jesus tại Rome) thì:

... Trương cai trị khá cởi mở, công bằng và rộng rãi nên nhiều quan lại nổi tiếng cả văn lẫn võ được lòng và rời những nơi ẩn lánh để ra cộng tác với y. Và chắc chắn y có nhiều đức tính – nếu không bị tật hay nổi nóng, thiếu khoan dung với những hành vi tàn nhẫn rất thú vật, thiếu nhân tính – thì quả thực là kẻ trời sinh ra để làm hoàng đế.³¹

Nói về thể lực, Trương Hiến Trung "thân hình cao mà gầy, mặt vàng, râu dài một thước sáu tấc", có sức khoẻ hơn người nên vẫn được thủ hạ gọi là "con hổ vàng" (hoàng hổ - 黃虎)³². Y cũng nổi tiếng là có biết đôi chút chữ nghĩa, mưu trí hơn người. Mỗi khi Trương Hiến Trung đánh chiếm nơi nào y đều dùng một số tài vật thu được đem phát cho dân chúng để thu phục nhân tâm, chính vì thế nên số người đi theo rất đông. Khi lấy được Trảng Sa, Trương Hiến Trung miễn thuế cho dân ba năm. Ngoài ra, Trương Hiến Trung còn thiết lập được một hệ thống tai mắt làm tình báo và nội ứng rất hiệu quả. Mỗi khi đến đâu, y liền phái người đi khắp chúng quanh 200 dặm để dò thám, mỗi dặm phải cử người quay trở về báo tin nên dù bên địch hay bên bạn, y đều nắm rất vững.

Trước khi công thành, Trương Hiến Trung sai người giả dạng làm sư sãi, đạo sĩ, thương nhân hay khách phương xa trà trộn vào trước. Vào đến nơi, họ sẽ tung tiền ra để mua chuộc các thành phần bất hảo làm nội ứng. Nếu bắt được một nhân vật quan trọng nào ở ngoài thành, Trương Hiến Trung luôn luôn cho tìm hiểu thật cặn kẽ về gia thế, sinh hoạt, sau đó sai người giả vờ đi theo vị quan đó đưa tù nhân vào trong thành rồi ra tay.³³

Cũng có khi y làm giả các văn thư của triều đình và nhiều thành thị đã rơi vào tay y. Về sau Minh triều phải dùng một loại ám hiệu đặc biệt trên các văn thư để tránh sự mạo hoá. Nhiều lần, Trương Hiến Trung cho thủ hạ ăn mặc như y phục quan quân triều đình, giả bại trận đang bị truy kích. Nhiều thành thị không ngờ nên mở cửa thành đón vào rồi bị họ làm nội ứng nên trở tay không kịp.

Một hình thức thông dụng khác là dùng trẻ con để do thám hay loan truyền những tin tức có lợi cho mình. Trương Hiến Trung cũng tìm cách làm cho lòng người kinh động, chẳng hạn như lén bỏ phẩm đồ vào các hồ ao và hào chung quanh thành giả làm điềm báo hiệu triều Minh sắp cáo chung, hay cho một đám trẻ con kêu khóc lúc canh khuya, in những bàn tay máu lên nhà cửa trong thành. Những bài đồng dao, những lời sấm truyền là vũ khí đánh vào quần chúng rất hiệu quả. Những chiến dịch đó không phải chỉ một vài ngày mà có khi nhiều tháng luôn luôn thay đổi để cho binh lính và dân chúng hoang mang. Phải nói rằng họ Trương rất tinh thông chiến tranh tâm lý, có lẽ do ảnh hưởng của những bộ tiểu thuyết lịch sử đời Minh như Tam Quốc Chí, Thủy Hử... khá phổ biến trong thời kỳ này.

Một kỹ thuật cũng rất... thâm hiểm của lưu khấu là mỗi khi chiếm được thành trì nào, Trương Hiến Trung bắt trẻ con nơi đó làm đồ tể để tàn sát các tù binh, đứa nào không chịu thi hành đều bị giết. Tập trẻ con chém giết cho quen với máu chảy thịt rơi, gia tăng ác tính, mặt khác cốt để

³¹ James B. Parsons, "The Culmination of a Chinese Peasant Rebellion: Chang Hsien-Chung in Szechwan, 1644-46" (S. N. Eisenstadt biên tập, *The Decline of Empires*, New Jersey: Prentice Hall, Inc., 1967) tr. 154

³² Bạch Thọ Di: *Trung Quốc Thông Sử* (1989), quyển 16, tr. 2098

³³ Theo lời đồn, Nguyễn Nhạc nhà Tây Sơn cũng dùng cách này để lấy thành Qui Nhơn

một khi đã nhúng tay vào máu thì không thể quay trở về đời sống bình thường được.³⁴ Sau khi đã ràng buộc được họ, Trương Hiến Trung bắt đầu tổ chức huấn luyện chủ yếu là kỹ thuật (horsemanship) và các kỹ thuật chiến đấu đồng thời “đoàn ngũ hổ” thành một đội quân gọi là *tôn nhi quân* (孫兒軍).³⁵

Những kế hoạch tâm lý và bổ xung lực lượng đó không những khiến cho Trương Hiến Trung gia tăng thanh thế một cách mau chóng mà còn gây dựng được nhiều căn cứ hậu phương khiến cho người dân những vùng đã chiếm được dù sau này có bị quân triều đình tái chiếm thì cũng không còn như xưa và quan với dân trở thành thù nghịch.

Sau khi thành lập một triều đình ở Thành Đô, để ngăn ngừa những lời dèm pha hay phê phán về y, Trương Hiến Trung tung ra rất nhiều do thám, một số đông là trẻ con, trà trộn trong dân chúng. Không những cá nhân người không đồng ý với chính quyền mới mà thường thì toàn gia bị cáo cũng bị xử tử. Nổi kinh hoàng reo rắc khắp nơi nên người trong nhà cũng không dám nói chuyện khi gặp nhau ở ngoài đường. Không khí nghi kỵ càng làm cho người dân ghê sợ vì ở đâu cũng nhìn thấy nguy hiểm và không biết ai đang làm việc cho loạn quân.

Nhờ chính sách triệt để như thế, Trương Hiến Trung tập trung được một tài sản kếp sù để mua khí giới, đạn dược. Năm 1644, họ Trương tiến đánh Trùng Khánh nhưng bị kháng cự mãnh liệt. Sau khi chiếm được thành rồi, họ Trương ra lệnh tàn sát để trừng trị. Trên mười ngàn người bị cắt mũi, cắt tai, chặt tay rồi lôi đi các nơi để làm gương cho kẻ khác. Theo sách *Tội Duy Lục* (罪惟錄) dù nơi nào chỉ kháng cự một đôi ngày, khi loạn quân chiếm được thì ít ra một phần ba, một phần tư cũng bị giết, chỉ nơi nào biết thế đầu hàng ngay mới được yên. Còn như kháng cự từ sáu ngày trở lên thì khi vào thành, họ Trương sẽ ra lệnh giết sạch, không chừa một ai. Chính vì thế nhiều nơi vừa thấy loạn quân kéo đến là mở cửa kéo cờ trắng.³⁶

Sự tàn nhẫn của Trương Hiến Trung được ghi chép trong sách vở và những câu chuyện người ta còn truyền lại. Trong một lần bị ốm nặng, Trương nguyện rằng nếu trời thương mà khỏi bệnh, y sẽ tạ thiên ân bằng hai “ngọn nến trời” (heavenly candles). Không ai hiểu y muốn nói gì nhưng khi y hồi phục, Trương ra lệnh cho chặt chân rất nhiều phụ nữ chất thành hai đống lớn. Hai bàn chân một tiểu thiếp của y được đặt trên cao làm bậc rồi sau đó đổ dầu lên thắp thành hai cây nến trời.³⁷

Câu chuyện này không biết có thực hay không nhưng trước khi triệt thoái khỏi Tứ Xuyên, Trương Hiến Trung cho mở một khoa thi rồi ra lệnh tru diệt tất cả sĩ tử ứng thí, tổng cộng lên đến mấy nghìn người. Sự tàn nhẫn của Trương không phải chỉ đối với dân chúng mà cả với thủ hạ. Không ít lần y tàn sát chính quân lính dưới quyền, không hiểu vì nghi họ mưu toan nổi loạn hay vì mâu thuẫn. Cái chết của Trương Hiến Trung cũng đầy kịch tính. Cuối năm 1646, khi quân Thanh do Haoge chỉ huy đuổi theo, Trương không tin rằng địch có thể tiến nhanh đến thế. Khi biết ra, theo giáo sĩ Martini thì “... bản tính dũng mãnh, y chạy vụt ra khỏi lều, chụp lấy một cây thương, đầu không khăn, ngực không giáp cùng vài thủ hạ quan sát quân địch.” Trương Hiến

³⁴ Thủ đoạn đó khiến chúng ta liên tưởng đến Hồng Vệ Binh trong thời Cách Mạng Văn Hoá tại Trung Hoa gần đây.

³⁵ Albert Chan, sđd. tr. 352

³⁶ Albert Chan, sđd. tr. 353

³⁷ James B. Parsons, sđd. tr. 155

Trung và thủ hạ đùng độ với quân Thanh nơi một dòng suối và y bị một xạ thủ Mãn Châu bắn chết.³⁸

Sau khi y chết rồi, Lý Định Quốc, phó tướng của Trương vẫn tiếp tục chiến đấu ở biên giới Vân Nam – Miến Điện và là một trong những khuôn mặt nổi bật trong những nỗ lực chiến đấu chống lại người Mãn Thanh khi mới vào trung nguyên.

Lý Tự Thành (1606-?)



Lý Tự Thành
(tranh mới ở Hoa Lục)

Qua tiểu thuyết kiếm hiệp và phim ảnh, thanh niên Việt Nam có lẽ quen thuộc với cái tên Sấm Vương Lý Tự Thành hơn cả những danh nhân nước ta trong lịch sử. Hình ảnh về Lý Tự Thành rất oai hùng vì được chính quyền Trung Cộng miêu tả như một thủ lĩnh nông dân khởi nghĩa, mẫu người cách mạng đứng lên chống lại triều đình phong kiến. Thế nhưng có lẽ nét đậm nhất vẽ cho họ Lý có lẽ là do Kim Dung trong *Tuyết Sơn Phi Hồ* với truyền tụng bắt hủ – *giết một người (ta coi) như giết cha ta, làm nhục một người (ta coi) như làm nhục mẹ ta* – khắc trên thanh quân đao. Chúng ta thử xem chính sử chép về ông ta như thế nào.

Lý Tự Thành người đất Thiểm Tây, cùng tuổi với Trương Hiến Trung, nữ danh Hoàng Lai Nhi (黃來兒), còn có tên là Hồng Cơ (鴻基). Có giả thuyết cho rằng Lý Tự Thành là người Hồi (Mohammedan)³⁹. Gia đình họ Lý giàu có, Lý Tự Thành đi học đến năm 14 tuổi thì bỏ học văn theo nghề võ. Theo dã sử, Lý Tự Thành sức khỏe hơn người, võ nghệ cao cường, cưỡi ngựa bắn cung rất giỏi. Sau khi cha chết, Lý chia hết gia tài rồi bỏ đi làm một dịch phu (người đưa thư ở dịch trạm) nhưng vì phạm tội nên phải trốn sang Cam Túc đăng lính ở đó.

Lý Tự Thành tháo vát và can trường nên chẳng bao lâu được lên một chức quan nhỏ nhưng vì một chuyện cãi vã sinh ra án mạng khiến Lý Tự Thành và quân sĩ dưới quyền đào ngũ.

³⁸ James B. Parsons, sdd. tr. 158

³⁹ Lý Tự Thành nổi lên ở vùng tây bắc Trung Hoa, khu vực có rất đông người Hồi, một trong những lãnh tụ nổi dậy có biệt danh *Lão Hồi Hồi* nhưng sử gia viết chữ hồi với bộ khuyên tỏ ý khinh bỉ (người Trung Hoa khi ghét ai thường hay viết trại tên họ thành một nghĩa xấu xa)

Năm 1631, Lý Tự Thành đi theo Cao Nghinh Tường (Sấm Vương) khi ấy là một thủ lĩnh phiến loạn. Năm 1635, Cao Nghinh Tường, Trương Hiến Trung và Lý Tự Thành đem quân đánh vào Phượng Dương là cố kinh của nhà Minh, đốt phá lăng miếu để chứng tỏ quyết tâm lật đổ đương triều. Trương Hiến Trung đem quân qua mặt đông còn Cao và Lý quay trở về phương nam đánh với quân Minh còn ở đó.

Năm 1636, Sấm Vương Cao Nghinh Tường bị tuần phủ Thiểm Tây là Tôn Truyền Đình (孫傳庭) đem quân phục kích tại Hắc Thủy Cốc bắt sống áp giải về Bắc Kinh xử tử. Từ nay toàn bộ lực lượng thuộc về Lý Tự Thành – thừa hưởng luôn cả cái tên Sấm Vương của Cao để lại⁴⁰ – nhưng yếu đi nhiều. Năm 1638, quân của Lý Tự Thành bị đánh tan, chỉ mình ông ta và 18 kỵ binh thân tín chạy thoát được, trốn vào trong núi Thương Lạc (商雒). Năm 1639, khi Trương Hiến Trung nổi lên ở Hồ Bắc, Lý Tự Thành liền tới để hợp binh nhưng hai bên không hợp nên Lý phải tách ra làm riêng. Vào thời kỳ đó, Hà Nam đang bị hạn hán, mất mùa, dân tình đói kém “một đấu gạo giá cả vạn tiền” nên khi Lý Tự Thành khởi binh, từ thế lực vài chục người khi ở trên núi, nay dưới tay có đến mấy vạn người đi theo.⁴¹

Một mưu sĩ rất có khả năng dưới tay Lý Tự Thành là Lý Nham (李巖) khuyên Lý Tự Thành đưa ra khẩu hiệu hứa hẹn sẽ giảm thuế cho dân chúng và phân chia lại đất đai cho đồng đều⁴². Những mục tiêu đó rất được lòng người, nhất là tại một khu vực dân chúng sống nghèo khổ và bị bóc lột quá đáng bởi thành phần quý tộc và địa chủ như tại Hà Nam. Người ta còn truyền tụng một bài hát có hai câu cuối như sau:

*Mở toang cửa thành đón Sấm Vương,
Sấm Vương đến đây không nạp lương.*⁴³

Chỉ trong mấy tháng, quân của Lý Tự Thành lên đến mấy chục vạn người.



Quân đao của Lý Tự Thành

⁴⁰ Nhiều sách vở viết rằng Sấm Vương là danh hiệu Lý Tự Thành tự xưng năm 1642 nhưng không chính xác.

⁴¹ Bạch Thọ Di: *Trung Quốc Thông Sử* (Thượng Hải: Thượng Hải nhân dân xb xã, 1989), q. 16 tr. 2081

⁴² quân điền miễn lương (均田免糧)

⁴³ Khai liễu đại môn nghinh Sấm Vương. Sấm Vương lai thời bất nạp lương.

開了大門迎闖王，闖王來時不納糧。

Năm 1643, Lý Tự Thành chiếm được Hoàng Châu (黃州), tuyên bố miễn thuế trong ba năm. Nhiều nơi nghe tin lập tức tự nguyện đi theo khiến thanh thế họ Lý đại tăng. Đi đến đâu, Lý Tự Thành cũng bố yết cho dân chúng biết về sự xa hoa, những lạm của quan lại nhà Minh, nhất là tình trạng sưu cao thuế nặng. Phải nói là những gì Lý Tự Thành đưa ra vào giai đoạn này quả là cách mạng, hợp lòng dân và đáng làm kiểu mẫu cho các nơi khác khiến cho ngay cả tôn thất nhà Minh về sau khi xây dựng lực lượng cũng phải bắt chước.

Thù ghét quan lại, rộng rãi với dân chúng là hai yếu tố quan trọng trong cuộc nổi dậy của Lý Tự Thành khiến cho đâu đâu cũng hưởng về y. Quân lệnh của họ Lý cũng rất nghiêm, không cho binh sĩ những nhiễu và nhiễu địa phương thay vì tổ chức chống lại phiến quân thì lại trông ngóng ngày họ Lý đến "tiếp thu". Nhiều nơi dân chúng tự động đánh đuổi quan quân nhà Minh để đón người của Lý Tự Thành cử đến.

Không như Trương Hiến Trung, Lý Tự Thành sống rất đơn giản và thanh bạch, bên cạnh chỉ có một người vợ cả và một bà vợ thứ. Khi có thì giờ rảnh rỗi, Lý đọc sách và đàm luận văn chương với các nhà nho. Ông ta cũng am hiểu nguyên tắc cai trị, khi cần hội nghị với tướng lãnh thường chỉ ngồi lắng nghe từ đầu đến cuối, sau cùng mới đưa ra quyết định dựa theo ý kiến nào mà ông cho rằng thích hợp nhất. Quyết định chính xác, hoà đồng với thuộc hạ là hai đức tính nổi bật của Lý Tự Thành mà nhiều sử gia – kể cả những người thân triều đình – đều đồng ý. Nhiều nhân chứng kể rằng khi dẫn quân tiến vào Bắc Kinh, Lý Tự Thành chỉ ăn mặc rất bình dân, không khác gì binh sĩ dưới quyền ông.

Quân số dưới tay Lý Tự Thành chừng độ sáu vạn người, chia làm năm đội, có độ năm mươi kỵ binh nhưng có đến 20, 000 lừa ngựa. Họ Lý có lối chỉ huy và hành quân khá độc đáo, xây dựng được một hệ thống tình báo không kém gì của Trương Hiến Trung và xâm nhập vào được nhiều cấp trong triều đình, sẵn sàng mua chuộc để trà trộn vào quan trường ngõ hầu có được những tin tức cần thiết. Nhiều người ngạc nhiên khi quân của Lý chiếm được kinh thành, số lượng quan viên cộng tác và làm việc cho Lý Tự Thành rất đông đảo, ở mọi cấp kể cả một số thương nhân, nông dân từ các tỉnh Thiểm Tây, Sơn Tây trà trộn vào sống như dân chúng từ bao giờ không ai biết.



Mộ Lý Tự Thành

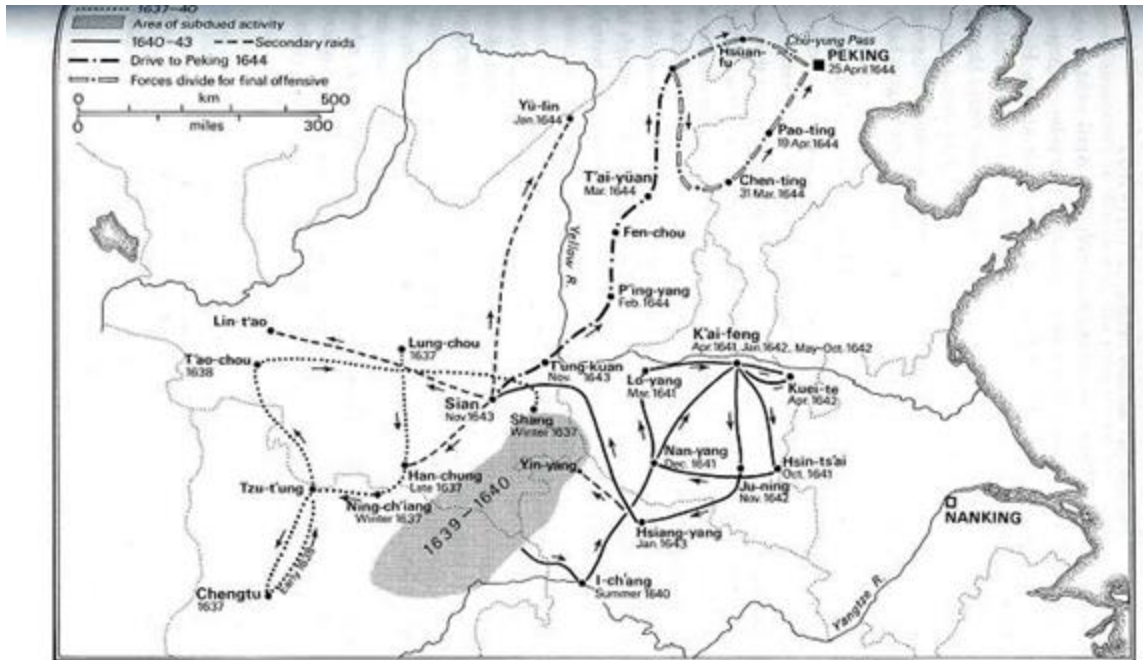
Một trong những lý do quan trọng mà người ta nhận định về cuộc nổi dậy của Lý Tự Thành là ông đã tập hợp được một số khá đông những người có học, nhìn được thế cục một cách sáng suốt hơn, biết khai thác thời cơ và thu phục được nhân tâm.

Bên cạnh Lý Nham chúng ta cũng thấy một số khuôn mặt khác. Ngưu Kim Tinh (牛金星), một thầy khoá ở Hồ Nam đã đóng một vai trò quân sự khá quan trọng. Năm 1643 người ta lại thấy có thêm Dương Vĩnh Dụ (楊永裕), người sau này chuyên viết văn thư và hịch cho Lý Tự Thành. Văn hoá Trung Hoa luôn luôn coi thiên mệnh là một điều tất yếu và người lãnh đạo – nhất là lãnh đạo một cuộc nổi dậy để cướp chính quyền – thì phải làm sao chứng minh được rằng mình chính là ”*chân long thiên tử*”. Lý Tự Thành đã đóng vai trò đó khá xuất sắc và một phần lớn cũng nhờ có các nho sĩ tìm cách tạo cho ông ta một vẻ đáng cho phù hợp.

Lý Tự Thành cũng tự cho rằng mình chính là cứu tinh của người dân và ra nghiêm lệnh không cho binh lính quấy nhiễu. Năm 1641, Lý Tự Thành chiếm được Lạc Dương, Phúc Vương bị bắt và bị giết. Sau đó quân của Lý tiến đánh Khai Phong, gặp kháng cự mạnh mẽ nên sau đó y ra lệnh cho phá vỡ đê Hoàng Hà khiến thành này bị lụt. Việc công hãm Khai Phong kéo dài 5 tháng và kết quả là mấy trăm nghìn người dân bị chết, vừa đói khát, bệnh tật và cả chết đuối.⁴⁴

Cũng khi đó, Trương Hiến Trung chiếm được Hán Dương, Võ Xương, Lý Tự Thành nghe tin không vui nên treo bảng trọng thưởng cho ai lấy được đầu họ Trương và viết thư hăm dọa. Trương Hiến Trung sau đó chuyển xuống đánh Hồ Nam, Giang Tây nhưng không phải vì sợ họ Lý mà vì bị tướng nhà Minh là Tả Lương Ngọc đem quân tấn công.

⁴⁴ *The Cambridge History of China*, vol. 7, 1997 tr. 635. Gần đây nhất, năm 1938, để ngăn quân Nhật tiến xuống phía nam, thống chế Tưởng Giới Thạch cũng ra lệnh phá đê sông Hoàng Hà, gây ra một trận lụt lớn 17 triệu mẫu ruộng bị ngập, 1.5 triệu căn nhà bị phá huỷ, 470,000 người chết đuối (những con số này theo các tác giả Hoa lục thì còn lớn hơn nhiều). Elizabeth J. Perry, *Rebels and Revolutionaries in North China 1845-1945* (California, 1980) tr. 15 và Frederic Wakeman, Jr., *The Fall of Imperial China* (New York, 1975) tr. 18



Map 27. The campaigns of Li Tzu-ch'eng, 1641-1644

Một trong những tướng lãnh của Lý Tự Thành là Cố Quân Ân (顧君恩) khi đó mới khuyên y đem quân lấy Quan Trung là quê cũ của Lý làm căn bản, sau đó sẽ theo Sơn Tây mà đánh vào kinh đô. Lý Tự Thành nghe lời, tự mình dẫn đại quân ra khỏi Tương Dương theo Hà Nam vào Thiểm Tây đánh với đốc sư nhà Minh là Tôn Truyền Đình (孫傳庭) mới được cử đến đây. Tôn Truyền Đình là một văn quan có tài, trước đây đã bắt được Sấm Vương Cao Nghinh Tường nhưng sau bị thất sủng, đang bị giam trong ngục thì được thả ra cho đi cầm quân chống giặc.

Quân Minh được Tôn Truyền Đình tái tổ chức, gia tăng kỷ luật, trang bị vũ khí nên chẳng bao lâu trở thành một đoàn quân thiện chiến, đáng kể nhất là một đoàn "hoá quân" hơn ba vạn chiến xa, vừa chống được chiến mã vừa có thể tập hợp thành đội hình tự vệ.⁴⁵

Nhờ khéo điều quân, Tôn Truyền Đình thắng liên tiếp, lấy lại được những khu vực đã mất khiến Lý Tự Thành lại phải quay về Tương Dương. Ngờ đâu, khi đem quân vây đánh Tương Dương, trời mưa liên tiếp bảy ngày đêm khiến cho quân lương không thể chuyển đến kịp, hậu quân có biến khiến họ Tôn phải rút lui bị Lý Tự Thành truy kích, tới Vị Nam thì tử trận. Thuận quân thừa thắng xông lên, chiếm Thiểm Tây, Diên An, Du Lâm, Ninh Hạ, Khánh Dương.

⁴⁵ Lê Đông Phương, *Tế Thuyết Minh Triều* (quyển 2) (Đài Bắc: Văn Tinh tùng san, 1964) tr. 429



Vĩnh Xương thông bảo



Lý Tự Thành xưng vương

Đầu năm Sùng Trinh 17 (1644), Lý Tự Thành tuyên bố thiết lập một triều đại mới đặt tên là Thuận (順), niên hiệu Vĩnh Xương (永昌) cải Tương Dương thành Tương Kinh (襄京) tự xưng là *Tân Thuận Vương* (新順王) kiêm *Phụng Thiên Xương Nghĩa Văn Võ Đại Nguyên Soái* (奉天 倡義文 武大元帥). Lý Tự Thành thành lập triều chính, các bộ hạ đều được phong tước vị. Họ Lý cũng ra lệnh cho Ngưu Kim Tinh mỗi ngày vào giảng cho y nghe một chương trong kinh, một đoạn trong sử, tính tình cũng không còn vẻ giang hồ thảo khấu như trước nữa.⁴⁶

Quân của Lý Tự Thành từ nay đánh đâu thắng đó, quan lại nhà Minh lục tục ra hàng. Ngày 19 tháng 3 năm Giáp Thân (25 tháng 4 năm 1644), khi Thuận quân tiến vào Bắc Bình (kinh đô), vua Sùng Trinh treo cổ tự tử ở một cái gò gần cung điện tên là Mồi Sơn (煤山). Mặc dù một số tôn thất nhà Minh còn tiếp tục chiến đấu ở miền nam, sử sách coi như triều đại từ đây chính thức cáo chung.

⁴⁶ Lê Đông Phương, sđd. tr. 428

MINH TƯ TÔNG SÙNG TRINH HOÀNG ĐẾ

Sùng Trinh (崇禎) là niên hiệu, sử gọi ông là Minh Tư Tông (思宗), tên thật là Chu Do Kiểm (朱由檢), khi lên ngôi lập tức loại trừ yêm đảng Ngụy Trung Hiền (魏忠賢), một lòng cố gắng trung hưng cơ nghiệp nhà Minh nhưng không thành, phải tự ái khi Lý Tự Thành vào Bắc Kinh. Người ta vẫn bảo rằng ông "tâm hữu dư nhi lực bất túc", có lòng muốn xây dựng lại cơ đồ nhưng tính tình nhu nhược, không quyết đoán, chẳng phải là người có thể làm chuyện đội đá vá trời.



Ấn Ngọc vua Sùng Trinh



Vua Sùng Trinh

Quần thần trong cảnh xã tắc nguy nan lại ít có người hết lòng phò tá, đa số chỉ ngồi yên, bảo sao làm vậy. Điều đó cũng dễ hiểu vì vua Sùng Trinh là người đa nghi sợ người dưới hai lòng nên không ai dám đưa lời trung ngôn can gián, ngay cả lúc quân giặc đã tiến sát đến kinh thành cũng chẳng làm gì, chỉ chuẩn bị để đầu hàng địch.



Vua Sùng Trinh tự tử (tranh đời Thanh)



Mộ vua Sùng Trinh

Tháng ba năm Sùng Trinh 17 (1644), trong tình hình dầu sôi lửa bỏng, vua Tư Tông cho triệu các đại thần để bàn kế sách, có ngày thiết triều đến ba lần. Đông Các đại học sĩ Lý Kiến Thái (李建泰) khuyên nên di chuyển triều đình xuống Nam Kinh, bỏ ngô kinh thành, tạm thời né tránh mũi nhọn của địch nhưng nhà vua không nghe. Lâu dân, từ vua chí quan, bàn ra tán vào không còn biết làm sao để đối phó. Mỗi khi thất vọng, vua Sùng Trinh quay về cung ngồi ôm mặt khóc, than rằng "Triều đình không có người".

Ngày 18, thái giám Tào Hoá Thuần (曹化淳) mở Chương Nghi môn cho quân của Lý Tự Thành kéo vào. Đêm hôm đó, vua Sùng Trinh và hoạn quan Vương Thừa Ân trèo lên gò Vạn Thọ (Môi Sơn) nhìn ra thấy lửa đuốc đầy trời than rằng:

“Thương thay cho bách tính!”

Ông quay về cung, sai người hộ tống thái tử Từ Lang và các vương tử đi tị nạn nơi khác, sau đó gọi hoàng hậu, cung phi bảo tự lo lấy mình. Hoàng hậu và Viên quý phi liền thắt cổ tự tử. Nhà vua cũng gọi công chúa đến, năm đó mới 15 tuổi, vỗ về rồi than:

“Sao con sinh ra trong nhà ta làm gì!”

Nói xong, một tay che mặt, tay kia vung đao, chém đứt cánh tay trái công chúa.

Ngày 19 tháng 3, Lý Tự Thành tiến đến Bắc Kinh, vua Sùng Trinh đích thân gióng chuông triệu tập bách quan nhưng không ai tới, quân lính giữ thành cũng bỏ trốn chẳng còn một bóng người, ông không biết làm gì khác nên thắt cổ tự tử nơi một cây hoè trên gò Vạn Thọ, còn gọi là Môi Sơn. Bên trong áo ông viết mấy hàng chữ:

Trẫm lên ngôi đến nay đã 17 năm, nghịch tặc tấn công kinh sư, chỉ vì ta đức mỏng thân hèn, trên phạm lỗi với trời cho nên các bầy tôi mới làm lụy trẫm. Ta chết đi không còn mặt mũi nào nhìn thấy tổ tông ở dưới suối vàng, vậy hãy lột mũ ta, lấy tóc phủ mặt, để cho bọn giặc kia bằm vằm thân xác, chớ đừng làm tổn thương bách tính một người nào.

朕自登極十七年，逆賊直逼京師，雖朕諒德藐躬，上干天咎，然皆諸臣誤朕。朕死無面見祖宗於地下，去朕冠冕，以髮覆面，任賊分裂朕尸，勿傷死百姓一人！

Trẫm tự dâng cực thập thất niên, nghịch tặc trực bức kinh sư, tuy trẫm lượng đức miếu cung, thượng can thiên cữu, nhiên giai chư thần ngộ trẫm. Trẫm tử vô diện kiến tổ tông ư địa hạ, khứ trẫm quan miện, dĩ phát phúc diện, nhiệm tặc phân liệt trẫm thi, vô thương tử bách tính nhất nhân.

Thái giám Vương Thừa Ân cũng treo cổ chết bên cạnh chủ. Khoảng giờ Ngọ, Lý Tự Thành đội mũ lông cừu, áo lụa cười ngựa đen, cùng bọn thừa tướng Ngưu Kim Tinh theo cửa Trường An phía tây tiến vào hoàng thành. Đến cửa Thừa Thiên, y giương cung lấp tên bắn vào chiếc biển ngạch treo trên cao, trúng ngay dưới chữ Thiên, cười ha hả rồi giục ngựa chạy vào. Y trèo lên điện Hoàng Cực, ra lệnh cho bách quan tự tập.

Trong cung bấy giờ đại loạn, cung nữ nhảy xuống hào tự tận đến một, hai trăm người, những ai không chết đều bị tặc nhân dày vò, hãm hiếp. Các đại thần tự tử chết đến hơn bốn mươi người, nhiều người toàn gia tự sát, thật là một thảm kịch.

TRIỀU ĐÌNH LÝ TỰ THÀNH

Thuận quân nhập kinh

Đoàn quân của Sấm Vương vào Bắc Kinh, sử sách chép mỗi nơi một khác. Các sách vở của Hoa lục thì cố tình lướt qua những chi tiết thời gian này, hoặc giải thích một cách miễn cưỡng. Chỉ tới gần đây một số sách vở mới dám tiết lộ một phần sự thật về "nghĩa quân" và cảnh hỗn loạn của kinh thành khi đổi chủ. Sau đây là ghi nhận của một nhà nho:

Quân giặc tràn đầy phố phường từ đầu này sang đầu khác. Vài trăm tặc khẩu xông tới, ruồi ngựa chạy thẳng vào Tử Cấm Thành. Dân chúng ai nấy đều bày hương án để bái vọng chúng. Những chữ Thuận hay Thuận Thiên Vương, Vĩnh Xương nguyên niên tân quân vạn tuế... được viết dán đầy cánh cửa. Nhiều người viết hai chữ Thuận dân (bây tôi triều Thuận) dán trên trán.

Quân giặc đi bộ và đi ngựa, xục xạo khắp hang cùng ngõ hẻm để thu gom ngựa lừa. Chúng không uly kỳ gì, có người bị giết và bị cướp. Đàn ông, đàn bà chạy nhón nháo, gọi nhau ơi ơi. Đám đông vừa tụ lại thì tan ngay, giày đạp nhau, kẻ thì bị chặt đầu bằng kiếm, người bị bắn xuyên qua bằng tên, lôi kéo nhau lăn ra đường trong hoảng hốt.

Một số người treo cổ tự tử, kẻ nhảy xuống giếng, đàn bà trụy thai trên đường, có người quăng cả hài nhi trên tay để chạy thoát. Vì đám đông chùm nhum lại với nhau nên lắm kẻ bị ngựa xéo chết. Người thì bị chặt tay, kẻ bị chặt chân, mổ bụng, cắt tai, cắt tóc. Khắp các đường phố tưởng như đầy lang sói rên rĩ kêu gào.

Một số quân giặc thì cực kỳ hung hãn nhưng cũng có lắm kẻ tử tế. Một số giết người nhưng cũng có kẻ lại khuyên dụ. Dẫu chỉ có một tên Thuận quân mà đám đông hàng trăm người cũng quì xuống lạy van xin tha mạng mặc dù những người lính đó chỉ cầm gươm hoặc cung tên mà thôi. Bọn trẻ con trong đám Thuận quân thì chỉ có đoán kiếm vậy mà người ta cũng mất hết hồn vía khi thấy chúng, chẳng ai dám chống lại.

Thoạt đầu họ chỉ lấy vàng bạc nhưng những kẻ đến sau lấy cả trang sức và những đĩa sau cùng thì lấy luôn cả quần áo.⁴⁷

Cũng nên nói thêm là khi mới vào Bắc Kinh, Lý Tự Thành và các viên chức cao cấp cũng cố gắng ước thúc binh sĩ nhưng một thời gian ngắn sau vì họ phải đối phó với nhiều nguy cơ khác nhau từ nhiều phía, mặt khác không dám làm mạnh sợ binh lính nổi loạn nên đành nhắm mắt làm ngơ cho thủ hạ cướp bóc. Điều đáng nói hơn cả là triều đình của họ Lý tuy chỉ cầm quyền trong một thời gian ngắn ngủi cũng lại đi những bước y hệt bất cứ một thoái trào nào. Việc mua quan bán tước, dùng tiền chuộc mạng đã trở thành phổ biến không kém – có thể nói rằng hơn – thời vua Sùng Trinh. Có đến hàng ngàn người bị giết chỉ vì không đủ tiền để nạp cho họ như đòi hỏi.

Những lực lượng mà sách vở ca tụng là "ông dân khởi nghĩa" kia cũng chưa thoát khỏi tính chất thảo khấu nên khi cố gắng xây dựng một chính quyền từ quân đội, họ bị vướng mắc những trở ngại chủ yếu giữa trí thức và vũ phu, giữa lễ pháp và thói tục của giới giang hồ. *Hoài Lăng Lưu Khẩu Thủy Chung Lục* (懷陵流寇始終錄) viết:

Sấm Vương ngày ngày dọn tiệc trong cung, gọi Ngưu Kim Tinh, Tổng Hiến Sách, Tổng Sĩ Giao, Lưu Tông Mẫn, Lý Quá vào uống rượu. Ngưu, Lý theo qui củ trong triều, mỗi khi

⁴⁷ Frederic Wakeman, Jr., *The Fall of Imperial China* (1975) tr. 68

(được Lý Tự Thành) hỏi đến, đều bước ra khỏi chiếu trả lời. Còn bọn kia cứ ngồi nguyên tại chỗ vừa uống vừa ăn. Tông Mẫn thì gọi là đại ca, Sấm tặc cũng chẳng thèm để ý. Bọn giặc tuy tự xưng công hầu khanh tướng đã lâu nhưng tính chất thảo khấu vẫn còn. Ngồi thì ngả ngón chen nhau, đi thì chầm chọc kẻ này người khác, chửi bới diễu cợt, hò hát xô đẩy. Mắt đọc chữ đinh (丁) không biết, tay cầm quân bút không xong... lâu dần thành thói không sao sửa được...⁴⁸

Một tướng lãnh đàn em của Lý Tự Thành là Cố Quân Ân (顧君恩) mỗi khi đến bộ đường bộ Lại”*thì ngồi gác chân lên bàn viết, uống rượu say rồi nắm tay mấy đứa mọi (tức người Hồi Tây Vực), hát những khúc điệu ở ngoài biên địa*”. Quan thượng thư có khuyên y nên giữ qui củ, Cố hỏi vặn lại:”*Lão Tổng vẫn y như ngày xưa thì sao?*”⁴⁹

Trong số tay chân của Lý, ngoài Nguru Kim Tinh xuất thân cử nhân, Lý Quá là con nuôi Lý Tự Thành nên tương đối còn biết giữ lễ nghĩa, các tướng lãnh cậy mình lập nhiều chiến công, trong tay cầm binh quyền nên đều ngang tàng phóng túng. Khi vào đến Bắc Kinh, tướng cũng như quân được dịp xô lỏng, tha hồ gian dâm cướp phá, không ai ngăn cản nổi. Thành thử, triều đình mà Lý Tự Thành lập nên chưa được mấy ngày thì đã sụp đổ.

Người ta cũng nhấn mạnh sự thêm khát quyền lực của Sấm Vương Lý Tự Thành. Ngay từ khi mới xưng vương ở Tây An thì ông đã vội vàng truy tặng”*thụy hiệu*”cho tổ tiên từ năm đời trở xuống, một nghi thức mà chỉ khi người ta xưng đế mới tiên hành. Tuy Khẩu Kỷ Lược (綏寇紀略) thuật rằng cứ ba ngày một lần, họ Lý”*thân hành đến giáo trường để coi tập bắn cung, mặc áo xanh, che lọng vàng, dân chúng ai thấy lá cờ thêu rồng vàng cũng đều tránh ra*”⁵⁰.

Trước đây các sử gia Hoa lục cổ tình giải thích rằng Lý Tự Thành mặc áo xanh là để ghi nhớ những ngày hàn vi gian khổ nhưng đến nay đã có nhiều học giả đặt lại vấn đề và đưa ra nhiều chứng cứ cho thấy đây chỉ là một biện chứng rất Trung Hoa. Nhà Minh tin rằng triều đại của họ thuộc hành Hoả coi màu đỏ là màu chủ, Lý Tự Thành lại cho rằng mình”*thụy đức vương, y phục màu lam, quân đội cũng mặc đồ lam, mũ cũng màu lam*”. Thủy khắc hoả nên theo mệnh trời họ Lý sẽ chiếm thiên hạ của họ Chu lên làm thiên tử. Trong bài hịch của họ Lý khi đánh vào Hoài Khánh, Bành Đức ông ta cũng xưng là trẫm:... *Trẫm là người áo vải mà lên, mắt thấy những điều khốn khổ...* Những luận cứ cho rằng đây chỉ là một cuộc khởi nghĩa nông dân, thế thiên hành đạo trở nên khó tin và thực sự chỉ là đuổi hươu tranh đỉnh như bao nhiêu việc tranh giành quyền lực khác.

Thiết lập triều chính

Ngày 20 tháng 3 năm Giáp Thân (26 tháng 4 năm 1644) tức hôm sau ngày Lý Tự Thành vào Bắc Kinh, Sấm Vương ra thông cáo kêu gọi các quan nhà Minh đến thiết triều vào ngày 21, nếu ai muốn làm quan với triều Thuận thì làm, còn không thì cho về quê.

Sáng sớm hôm sau, khoảng hơn ba ngàn quan lại cũ tụ tập tại cửa Đông Hoa nhưng bị loạn quân đối đãi rất tệ hại, lừa tất cả qua cửa Thừa Thiên. Lý Tự Thành không xuất hiện và quan lại nhà Minh được lệnh”*tái trình diện*”vào ngày 23 tháng 3.

⁴⁸ Vương Xuân Du (王春瑜): *Minh Thanh Sử Tân Luận (明清史散論)* (Thượng Hải: Đông Phương xb trung tâm, 1996) tr. 108

⁴⁹ Vương Xuân Du, sđd. tr. 108

⁵⁰ Vương Xuân Du, sđd. tr. 110.

Hai hôm sau, tất cả bị tập trung cùng với một số quan lại bị Sấm Vương bắt từ trước, đứng đợi trong nhiều giờ mà không ai được một miếng cơm, một ngụm nước. Mãi tới chiều tối hôm đó, Lý Tự Thành mới bước ra nghe tuyên đọc tên từng người, mỗi người một bản cáo trạng dài. Trong số hơn ba nghìn người đó, Ngưu Kim Tinh chọn ra 92 người trong đó có Chu Chung (周鍾), một danh thần của nhà Minh, để phục vụ cho triều đình mới. Những người còn lại được áp tải trở ra giam ở ngoài Tử Cấm Thành.⁵¹ Ngoài Chu Chung, một danh sĩ khác là Trần Danh Hạ (陳名夏) cũng được phục chức và Hàn Lâm Viện được tái lập dưới cái tên mới là Hoàng Văn Quán (弘文館). Theo Frederic Wakeman, Jr. thì cả ba ông tiến sĩ đầu bảng khoa thi năm Quý Mùi (1643) đều cộng tác với tân triều.⁵²

Ngoài quan lại, giới sĩ phu cũng dao động không kém. Cũng như những giai đoạn nhiều biến động khác, người ta hay tin vào sấm vĩ, thiên cơ để khẳng định rằng thiên mệnh đã về tay họ khác. Những tiên tri vu vơ ở đâu đó nay được dùng làm chỗ tựa cho một thái độ. Một số đông nho sinh cho rằng họ có nhiệm vụ góp một bàn tay để ổn định tình hình và giúp những người chỉ quen ngồi trên lưng ngựa kia trị thiên hạ. Lương Triệu Dương (梁兆陽), một hàn lâm học sĩ đã tâu lên "hoàng thượng" (mặc dù khi đó Lý Tự Thành chưa lên ngôi) trong một lần thiết triều ở điện Văn Hoa như sau:

Bệ hạ từ đất Tần (Thiểm Tây) vào đất Tấn (Sơn Tây, Hà Bắc) cứu dân ra khỏi nơi nước lửa, vượt biên cảnh, chiếm kinh đô mà không để quân lính xâm phạm những người ra đón rước, quả thực đức hiếu sinh sánh tày Nghiêu Thuấn. Thần dám nói những điều thành tâm như thế vì trông mong lòng nhân từ của bệ hạ trong niềm hạnh ngộ một thánh chúa hôm nay.

Lẽ dĩ nhiên việc ca tụng tân chủ bao giờ cũng phải kèm theo việc hạ bệ cố quân. Bao nhiêu xấu xa tội lỗi, vô tài, bướng bỉnh, người ta trút cả lên đầu vua Sùng Trinh.

Chu Chung cũng không chịu kém. Trong *Khuyến Tiến Biểu* (勸進表)⁵³ ông viết:

Tên bạo chúa kia đã chịu tội rồi nên trăm họ đều thành tâm qui phục (tân vương). Chẳng những bệ hạ võ công Nghiêu Thuấn không sao sánh được mà văn đức cũng vượt xa.⁵⁴

Bài biểu trên đây và trước sau bảy bài khác (trong vòng 17 ngày, từ 23 tháng 3 đến 11 tháng 4 năm Giáp Thân) của văn quan đều chỉ nhắm vào một mục đích: ca tụng công đức của Sấm Vương Lý Tự Thành để khuyên ông lên ngôi hoàng đế cho hợp mệnh trời và lòng trông đợi của bách tính. Màn kịch này hầu như triều đại nào cũng có một số người lập lại cho đủ bộ lệ. Có lẽ Lý Tự Thành chưa đăng bảo vì thấy rằng chung quanh ông còn nhiều thế lực chống đối, muốn thanh toán cho xong không phải là chuyện một sớm một chiều nên còn ngần ngại chứ không phải là không thèm khát ngôi cứu nguy. Thành ra thái độ của Sấm Vương có vẻ bất nhất, bỏ lỡ nhiều cơ hội có thể củng cố vị thế của mình. Ông cũng sợ đàn em xa cách, không dám dứt khoát từ bỏ đời sống của một tay giang hồ mã thượng để theo phong độ của một bậc quân vương nên khi phải khép mình trong một số kỷ cương thì đâm ra lúng túng.

⁵¹ Frederic Wakeman, Jr., *The Great Enterprise* (1985) tr. 278-9

⁵² Frederic Wakeman, Jr., *The Great Enterprise* (1985) tr. 280

⁵³ *Proclamation Urging Entry (into the Imperial Quarters)*

⁵⁴ Frederic Wakeman, Jr., *The Great Enterprise* (1985) tr. 282

Quen với đám thủ hạ vũ phu, Lý Tự Thành khinh miệt thành phần đọc sách trước đây làm quan cho Minh triều, nay lại quay sang xu phụ chủ mới. Ông không ngần ngại khi nói trắng ra rằng “những kẻ không dám tận trung tận hiếu với cựu trào thì mong gì có thể phục vụ tân trào hết lòng hết sức được” và “một triều đình đầy rẫy những kẻ vô liêm sỉ thế kia thì làm sao mà không loạn?” khi chứng kiến hàng ngàn quan lại cũ đứng nhẵn nhụi trông chờ ơn mưa móc của tân vương.⁵⁵

Bại vong

Thế nhưng Lý Tự Thành nào có yên vì quân Thanh đã từ miền bắc kéo xuống. Ngày 21 tháng 4, Lý Tự Thành đánh với Đa Nhĩ Cổn ở Nhất Phiến Thạch phía đông Sơn Hải Quan, ngày 22 lại đụng độ với liên quân Đa Nhĩ Cổn – Ngô Tam Quế ở phía tây. Lý Tự Thành đại bại rút quân về Bắc Bình, đến ngày 29 thì vội vàng lên ngôi hoàng đế để hôm sau mở cửa Tề Hoá (齊化) bỏ chạy. Ngô Tam Quế đem quân đuổi theo đến Chân Định thì Lý Tự Thành chạy sang Sơn Tây giết Lý Nham ở đây.

Lý Nham là mưu sĩ nổi tiếng của Lý Tự Thành, đóng góp rất nhiều trong việc khoác cho Sấm vương một dáng dấp hiệp sĩ mà gần đây Hoa lục có tình son lên cái vỏ “nông dân khởi nghĩa”. Khẩu hiệu tuyên truyền đầy hấp dẫn *Nghinh Sấm Vương, bắt nạp lương* (迎闖王, 不納糧) chính là do Lý Nham đưa ra, nhờ đó mà thu phục được nhân tâm, lôi kéo được rất đông nông dân nghèo khổ.

Việc trừ Lý Nham có thể bắt nguồn từ mặc cảm của Lý Tự Thành vì hai người đã nảy sinh mâu thuẫn ngay khi mới vào Bắc Kinh.

Theo một số tài liệu, trong khi Ngưu Kim Tinh, Lưu Tông Mẫn... lập tức theo đòi cung cách hưởng thụ, chiếm đóng những dinh thự trong kinh đô, ngày ngày lo việc yến ẩm, hát xướng và thúc giục Lý Tự Thành lên ngôi thì Lý Nham cho rằng thời cơ còn nhiều vấn đề phải giải quyết. Lý Nham cũng phản đối việc các tướng lãnh tự ý truy lùng, cướp bóc quan lại nhà Minh để khảo của mà đòi hỏi phải giao việc đó cho bộ Hình đảm trách. Lý Nham cũng đưa ra một số qui luật tước giảm quyền hành của các tướng lãnh ngũ hầu ổn định trật tự xã hội. Chính vì thế, Lý Tự Thành nảy sinh ác cảm, e ngại Lý Nham sẽ soán đoạt quyền hành của mình.

Cái chết của Lý Nham trong *Anh Khẩu Kỳ Lược* (櫻寇紀略) chép như sau:

Sau khi thua ở Định Châu thì có tin toàn bộ Hà Nam đã đầu hàng quân nhà Minh, Lý Tự Thành nghe vậy hết sức hoảng hốt vội vàng thương nghị với thuộc hạ để tìm cách đối phó. Lý Nham chủ trương chống trả, tình nguyện đem hai vạn tinh binh đến trung châu và các tỉnh phụ cận ngăn ngừa những thành phần nào toan trở giáo. Ngưu Kim Tinh cũng đồng ý kiến đó và yêu cầu Sấm Vương chấp thuận kế hoạch nhưng Lý Tự Thành không quyết định được.

Thế nhưng một thời gian sau, Lý Tự Thành lại nghi rằng Lý Nham có mưu đồ riêng, còn Ngưu Kim Tinh thấy gió đã xoay chiều nên xúi bẩy Sấm Vương tìm cách loại trừ Lý Nham. Lý Tự Thành bằng lòng. Ngày hôm sau, Ngưu Kim Tinh giả đưa lệnh Sấm Vương mời Lý Nham đến quân doanh uống rượu, cho phục binh bao vây bắt Lý Nham và em là Lý Niên Đồng giết đi.

⁵⁵ Frederic Wakeman, Jr., *The Great Enterprise* (1985) tr. 286-7

Theo chính sử, Lý Nham tên thật là Lý Tín, người Hà Nam là con trai của binh bộ thượng thư nhà Minh Lý Tinh Bạch, đi thi đỗ cử nhân nhưng vì đắc tội với quan lại địa phương nên bị hạ ngục. Khi quân của Lý Tự Thành đánh tới đây, Lý Nham được cứu thoát nên gia nhập khẩu đảng, lập nhiều công lao nên lên hàng tướng lĩnh. Giữa Lý Tự Thành và Lý Nham có sự cách biệt về trình độ, về xuất thân nên Sấm Vương không khỏi hoài nghi e ngại Lý Nham sẽ vượt qua mình nên nhân khi thua trận tìm cách loại trừ trước. Tuy nhiên, một khi chim chưa chết cung đã bể, cái chết của Lý Nham đã lôi theo sự sụp đổ của Lý Tự Thành.

Chúng ta còn phải chờ thêm một thời gian khi các sử gia được suy xét vấn đề bằng nhãn quan học thuật mà quên đi trọng điểm đấu tranh giai cấp. F. W. Mote đã nhắc lại một số tranh luận về Lý Nham và cho rằng ông này bị lẫn lộn giữa thực tế và truyền tụng.⁵⁶

Con người và hành trạng Lý Tự Thành cho đến nay vẫn còn nhiều tranh cãi – kể cả nghi vấn đoạn cuối cuộc đời ông ra sao. Nhiều sử gia cho rằng một số huyền thoại đã được dựng lên để giải thích một vài điều mà người ta không biết rõ. Ngay cả những người theo ông dường như cũng bị bóp méo khá nhiều. Việc đề cao một số văn nhân trí thức trong những cuộc nổi dậy phần lớn chỉ phản ánh sự khát khao của giới cầm bút muốn chứng tỏ sự quan trọng của mình nhưng chưa hẳn đã là sự thật.

⁵⁶ Frederick W. Mote, *Imperial China 900-1800*, 1999 tr. 799

THANH BINH NHẬP QUAN

Tình hình chung

Người Mãn Châu không phải là một dân tộc thuần nhất. Cũng như người Mông Cổ, họ bao gồm nhiều bộ tộc sống rải rác. Đúng về phương diện nhân chủng, người Mãn Châu và người Mông Cổ có chung một nguồn gốc nhưng về sau chia ra thành 27 *hala* (bộ tộc), mỗi nhóm sống một nơi. Cũng như người Việt chúng ta, họ có những giống sống trên các vùng cao và những nhóm sống dưới vùng đồng bằng gọi là *mokun*, dưới quyền chỉ huy của một *mokunda* (tộc trưởng) được dân chúng chọn lựa và những người tộc trưởng này đóng góp rất nhiều cho sự thịnh suy của cả nhóm.

Cũng có khi nhiều bộ tộc kết hợp lại với nhau để thành một đội săn hay một lực lượng chiến đấu gọi là *niru* (nguru lục), dưới quyền tổng chỉ huy của một thủ lĩnh gọi là *beile* (bồi lạc). Tuy nhiên *niru* chỉ là một tập hợp tạm thời cho một mục tiêu nhất định nên một khi công tác hoàn tất thì thường thường tự động giải tán sau khi chia chác những thú săn được hoặc tài sản họ cướp bóc. Thành thử một số bồi lạc biết bắt chước lối tổ chức của người Mông Cổ hay người Trung Hoa đã tập trung được những bộ tộc dưới quyền mình và phát triển thành một lực lượng đáng kể.

Tới cuối đời Minh, lực lượng của họ vào khoảng 120,000 binh sĩ (278 nguru lục), cộng thêm 24,000 (120 nguru lục) binh sĩ Mông Cổ và 33,000 (165 nguru lục) binh sĩ người Hán.⁵⁷ Nhà Minh – cũng như những triều đại khác của Trung Hoa – đều uỷ quyền những dân tộc bên ngoài quan ải nên luôn luôn phải tìm cách ve vãn họ bằng hai hình thức, cho họ những đặc quyền về buôn bán (trading privileges) và những chức tước hàm (honorific titles).

Vũ khí

Trước khi chiếm được trung nguyên, người Mãn Châu đã biết khai thác tối đa sức mạnh của họ dựa trên lưu động tính (mobility) vì họ quen thuộc với việc cưỡi ngựa, bắn cung trong khi người Hán chỉ cố gắng phát huy phương pháp giữ thành bằng tường cao hào sâu, dùng thần công có thể bắn xa để cô thủ.

Thế nhưng kể từ năm 1629, khi người Mãn Châu lấy được một số thành phố nằm ở phía nam Vạn Lý Trường Thành thì tình hình bắt đầu chuyển biến. Một trong bốn thị trấn họ mới làm chủ là Vĩnh Bình (永平) là nơi có một đội thợ quen với phương pháp đúc súng của người Bồ Đào Nha (familiar with the techniques of casting Portuguese artillery) và chỉ hai năm sau họ đã đúc được khoảng 40 khẩu thần công theo mẫu của người Âu châu cộng thêm một số pháo thủ do họ huấn luyện.⁵⁸

Tình hình mới càng lúc càng có lợi cho quân Thanh nên tuy ít người hơn, họ vẫn có ưu thế trên nhiều mặt. Họ đem vũ khí mới thử nghiệm tại Đại Lăng Hà (大凌河) là một địa điểm quan trọng nối liền biên cảnh với đại quân nhà Minh đóng ở phía nam trường thành. Quân Thanh do Hoàng Thái Cực (皇太極) chỉ huy đã chiếm được Đại Lăng Hà, lấy được vô số khí giới.

Mười năm sau, khi chiếm được Tùng Sơn (松山) và Cẩm Châu (錦州), quân Thanh lại thu được 2000 khẩu pháo lớn nhỏ nhưng quan trọng hơn nữa họ đã dụ hàng được hai danh tướng nhà Minh là Hồng Thừa Trù (洪承疇) và Tổ Đại Thọ (祖大壽). Tổ Đại Thọ lại chính là cậu của tổng

⁵⁷ Frederic Wakeman, Jr., *The Great Enterprise* (1985) tr. 301-2, chú thích 234

⁵⁸ Geoffrey Parker, *The Military Revolution* (New York: Cambridge University Press, 1996) tr. 137

binh Ngô Tam Quế, người cầm đại quân trấn thủ Sơn Hải Quan, cửa ải huyết mạch giữa Trung Hoa và Mãn Châu.

Thù nhà hay tình riêng?

Ngô Tam Quế (1612-1678), dưới tay có đến 4 vạn quân trấn đóng tại Ninh Viễn⁵⁹ (寧遠) để ngăn chặn người Mãn Châu là người có thể lực nhất đóng quân ở phía bắc sông Hoài. Ngày mồng 4 tháng 3 năm Giáp Thân (10-04-1644), vua Sùng Trinh cho triệu Ngô Tam Quế về bảo vệ kinh thành nhưng họ Ngô lần nữa không sốt sắng nên chỉ chậm rãi rút quân về Sơn Hải Quan rồi tiến xuống Bắc Kinh.

Đi được nửa đường, Ngô Tam Quế nghe tin kinh đô đã rơi vào tay Lý Tự Thành nên quay trở lại Sơn Hải Quan nghe ngóng tình hình. Lý Tự Thành cũng nhân cơ hội tình hình còn đang tranh tối tranh sáng ấy để chiêu dụ nên sai Đường Thông (唐通), một tướng lãnh cũ của nhà Minh mới qui thuận viết thư nói rằng Sấm Vương đối xử rất độ lượng, lại kèm theo một lá thư của cha Ngô Tam Quế là Ngô Tương (吳驥) - khi đó cùng toàn gia đang bị Lý Tự Thành bắt giữ tại Bắc Kinh - cho hay nếu về hàng thì vẫn được giữ nguyên tước lộc.

Theo lời kể của người mạc hữu (thư ký) cho Ngô Tam Quế mà Bành Tôn Di (彭孫貽) chép lại trong *Bình Khẩu Chí* thì khi Lý Tự Thành sai người đem thư của Đường Thông và Ngô Tương tới quân doanh của họ Ngô, y lập tức cho vệ sĩ bắt giữ và dấu đi một nơi cốt để việc kinh đô rơi vào tay Sấm Vương và đề nghị dụ hàng không bị tiết lộ, làm kinh động lòng quân.

Vài ngày sau, khi đã tính toán đủ mọi cách, Ngô Tam Quế triệu tập các tướng lãnh để báo tin cho họ hay rằng Bắc Kinh đã thất thủ, vua Sùng Trinh đã qui thiên và tình thế đang lâm vào cảnh rất khó xử. Y biết rằng bản phận của một thần tử phải tận trung với chúa nhưng lực lượng trong tay không thể nào chống được với Sấm Vương và theo các tướng thì phải làm gì? Ba lần Ngô Tam Quế đặt câu hỏi nhưng cả ba lần ai nấy đều lặng thinh. Sau cùng Ngô Tam Quế nói toạc ra rằng Đường Thông và Khương Tương (姜襄) đã đầu hàng và Sấm Vương gửi sứ giả đến đây, vậy nên xử trí thế nào, giết y hay đón tiếp y theo lễ?

Các tùy tướng biết Ngô Tam Quế đã có chủ ý nên đồng thanh nguyện trung thành và sẽ làm theo những gì y quyết định. Ngô Tam Quế khi đó mới yên trí để lực lượng chính yếu lại Sơn Hải Quan và chuẩn bị để lên đường về Bắc Kinh đầu hàng Lý Tự Thành. Trên đường đi, y gặp một gia nhân đi cùng với một người thiếp của Ngô Tương (cha của Ngô Tam Quế) mới biết rằng Lý Tự Thành tưởng Ngô Tam Quế không chịu hàng nên đã tru diệt toàn gia họ Ngô, 38 người bị giết, đầu Ngô Tương hiện đang treo tại cửa thành để thị chúng.⁶⁰

Sau khi nghe cái tin chẳng lành đó, Ngô Tam Quế liền trở lại Sơn Hải Quan để nhất quyết cùng Sấm Vương một trận sống mái đưa đến việc kêu gọi quân Thanh tiếp viện.⁶¹

Tư thông ngoại phiên

⁵⁹ Nằm ở phía đông bắc, bên ngoài trường thành, cách Sơn Hải Quan chừng 50 km.

⁶⁰ Về việc này, để bảo toàn cho Lý Tự Thành và “cuộc khởi nghĩa nông dân” của Sấm Vương, các sử gia Hoa lục đều nghiêng về thuyết cho rằng sau khi đánh thua Ngô Tam Quế ở Sơn Hải Quan thì gia đình họ Ngô tổng cộng 38 người mới bị Thuận quân giết. Ngô Tam Quế phần uất chính vì người ái thiếp Trần Viên Viên bị bộ tướng của Lý Tự Thành là Lưu Tông Mãn chiếm đoạt và người gia nhân y gặp trên đường trốn đi sợ tội nên mới bịa ra câu chuyện toàn gia thảm tử để đánh lừa họ Ngô.

⁶¹ Frederic Wakeman, Jr., *The Great Enterprise* (1985 tr. 296-297)

Theo Thanh Thái Tông thực lục, Ngô Tam Quế đã có liên lạc với nhà Thanh từ trước. Cậu của Ngô Tam Quế là Tổ Đại Thọ (祖大壽), trước là tổng binh của nhà Minh, sau hàng Thanh cũng đã chiêu dụ được một số tướng lãnh quen biết cũ trở giáo sang làm quan với Thanh triều. Năm Sùng Đức thứ 7 (1642) Hoàng Thái Cực viết thư cho Ngô Tam Quế như sau:

Hoàng đế nước Đại Thanh sắc dụ cho Ngô đại tướng quân thành Ninh Viễn:

Ngày nay cơ nghiệp nước Minh đã suy vi, tướng quân chắc cũng biết rồi. Tướng quân với trẫm, vốn không hiềm khích mà thân thích của tướng quân lại đang cùng ở với trẫm rồi. Vậy thì tướng quân cũng nên liệu định thời cơ mà sớm có kế sách đi thôi.

Tổ Đại Thọ cũng viết thư cho cháu trong đó có câu:

Tất cả tông tộc nhà ta cùng thuộc viên, thân thích ai ai cũng được hưởng ân trạch rất nhiều. Hiền sanh⁶² là hào kiệt đời nay, không lẽ không biết chuyện đó hay sao?

Xem lại Đại Thanh hình thế qui mô, mai sau ắt thành đại sự. Biết nắm lấy cơ hội này áy mới là kẻ khôn ngoan chọn đúng chúa, một mai khi tất cả thuộc về một mối, hẳn sẽ phân mao liệt thổ được phong một cõi, công danh phú quý không nói hết được.

Ta nghĩ tình cốt nhục chí thân nên đã vì cháu mà giải bày gan mật, chứ chẳng phải làm thuyết khách cho Đại Thanh đâu, mong hiền sanh suy nghĩ cho kỹ.⁶³

Tháng 3 năm Giáp Thân (1644), vua Sùng Trinh thăng cho Ngô Tam Quế lên làm Bình Tây Bá gọi y đem quân về cứu Bắc Kinh nhưng còn đang trên đường đi thì kinh thành đã mất nên phải quay về.

Trong một tháng sau đó, Sấm Vương Lý Tự Thành liên tiếp sai nhiều đạo quân lên đánh Ngô Tam Quế, phần lớn là những tướng lãnh và quân đội cũ của nhà Minh mới thu nhận. Đường Thông bị Ngô Tam Quế đánh bại đầu tháng 4 rồi sau đó Bạch Quảng Ân lên hợp lực cũng không thành công (cả hai đều là tướng cũ nhà Minh). Ngô Tam Quế nhân đà thắng toan điều đình với Sấm Vương để ngừng chiến với điều kiện Lý Tự Thành trao lại cho y thái tử của vua Sùng Trinh hiện đang trong tay Thuận quân nhưng khi đó Lý Tự Thành đã chuẩn bị đích thân tiến đánh Sơn Hải Quan nên việc không thành.

Tuy sử sách chép khác nhau như lực lượng trong tay Lý Tự Thành khi đó vào khoảng 6 vạn quân, trải ra nhiều mặt đưa đến quyết định của Ngô Tam Quế cho người sang liên lạc với chú và các người thân đang làm việc cho triều đình Mãn Châu ở Thịnh Kinh để liên minh chống địch.

Cầu viện

Ngày 15 tháng 4 (20-05-1644), Ngô Tam Quế sai hai tùy tướng là Dương Thân (楊坤) và Quách Vân Long (郭雲龍) đến trại quân Thanh mang theo một lá thư gửi cho vua Thuận Trị (khi đó mới 6 tuổi) qua tay của Dorgon (tức Duệ Thân Vương 睿王) là một trong hai phụ chính đại thần.

⁶² cháu gọi bằng cậu chữ Hán là sanh (甥)

⁶³ hai lá thư này nguyên văn trong *Thanh Thái Tông Thực Lục*, quyển 63, trích lại theo *Thanh Đại Toàn Sử*, quyển 2, tr. 25-6

Dorgon là một tướng lĩnh tài ba, lại khéo léo về ngoại giao đã từng lập nhiều chiến công trong đó đáng kể nhất là hai lần đem quân xuống Trung Nguyên năm 1638 và 1639, phá được hơn 40 thành thị và lấy về nhiều của cải. Bức thư có một đoạn như sau:

Tiểu tướng đã ngưỡng mộ ân đức của đại vương từ lâu, hiềm vì theo kinh Xuân Thu, thần tử không được vượt biên ải nên trước nay chưa hề qua lại. Đại vương chắc cũng biết phận bề tôi phải tận trung. Đến nay vì Ninh Viễn hẻo lánh nên quốc quân ra lệnh bỏ về trấn đóng ở Sơn Hải Quan, cốt để củng cố mặt đông và bảo vệ kinh thành.

Ngờ đâu bọn lưu khấu nổi lên lật đổ hoàng đế. Làm sao một bọn tiểu tặc ô hợp như thế lại có thể làm được chuyện này? Ấy chỉ vì tiên vương bất hạnh nên kinh thành không phòng ngự chặt chẽ, lại thêm một bọn phản thần mở cửa đón giặc vào nên tông miếu mới ra tro.⁶⁴

Ngô Tam Quế khẳng định rằng sau chiến thắng ban đầu, bọn lưu khấu này đã mất lòng dân, tuy xưng vương nhưng chỉ là một bọn giặc cỏ không khác gì Hồng Mi, Hoàng Cân thuở nào chỉ lo cướp bóc, giết chóc, hãm hiếp và chẳng bao lâu sẽ bị nghĩa binh dẹp tan, trung hưng cơ nghiệp như vua Quang Vũ nhà Hán. Bản thân y muốn dựng lại nghĩa kỳ nhưng vì phía đông kinh đô không đủ lớn để xây dựng lực lượng nên yêu cầu nhà Thanh vì tình lân bang giúp việc tiêu trừ nghịch tặc để cứu dân ra khỏi nơi nước lửa. Nếu việc thành công, bao nhiêu đất đai phía bắc trường thành sẽ thuộc về nhà Thanh và lại được chia tất cả "vàng lụa, gái trai của cải giặc đã chiếm được".

Những hứa hẹn đó đã đánh trúng tâm lý của Thanh đình vì thực tế lúc đó quân đội Mãn Châu không có lương bổng nhất định mà lợi tức tùy thuộc vào những gao thóc, của cải đi cướp được của những cư dân sống dọc theo biên giới. Người Mãn Châu có khoảng 45,000 quân và một số lượng tráng đinh cũng ngang như thế đóng dọc theo biên giới phía bắc, thành phần này không có lương mà chỉ trông vào của cải, tài vật chiếm được mỗi khi tràn xuống phương nam. Việc đi ăn cướp ở trung nguyên đã là một lẽ thói từ lâu nên họ coi Trung Hoa là một nguồn tài nguyên hơn là một vùng đất cần xâm chiếm.

Chính vì thế, một kế hoạch liên minh "hai bên đều có lợi" của Ngô Tam Quế là một đề nghị cụ thể và khả thi, phù hợp với hoàn cảnh thực tế và Trung Hoa chỉ mất một số tài vật chứ không thiệt hại bao nhiêu.⁶⁵

Hành động tìm quân viện của họ Ngô không phải là lần đầu trong lịch sử mà chỉ lập lại phương thức đã xảy ra trong những triều đại trước khi bị nguy cơ phải tòng quyền để tìm cách trung hưng. Phương thức này chẳng cứ gì Trung Hoa, tại nước ta con cháu nhà Trần, nhà Mạc, nhà Lê và cả nhà Nguyễn đều coi việc cầu cứu phương bắc như một phương tiện khôi phục vương quyền.

Thực ra triều đình Mãn Châu không phải không chuẩn bị. Những biến động ở trung nguyên luôn luôn được theo dõi rất khít khao, nhất là họ có một số người Hán đang cộng tác và một số tướng lĩnh nhà Minh về hàng rất có khả năng và nhạy bén về tình hình. Nội loạn của Trung Hoa và sự yếu kém của Minh triều đã khiến cho người Mãn Châu coi như thời cơ đã đến và "thiên mệnh" đã về tay họ. Đề nghị của Ngô Tam Quế đã đưa đến cho người Mãn Châu một cơ hội bằng vàng, có

⁶⁴ Frederic Wakeman, Jr., *The Great Enterprise* (1985 tr. 302)

⁶⁵ Việc này cũng tương tự như thói quen của người Chăm trước đây thường ra cướp phá nước ta và Chân Lạp, chiếm đoạt tài sản, nô lệ rồi rút về. Nhà Tây Sơn sau này cũng giữ thói quen đó, thường theo chiều gió giống thuyền vào cướp bóc ở Gia Định để lấy thóc gạo rồi đến khi thuận chiều thì lại quay về nên bị gọi là "giặc mùa".

điều là phải tính toán xem nên theo kế hoạch đem quân xuống đánh Lý Tự Thành rồi rút về với của cải, thoả mãn việc được thêm một số đất từ biên giới hiện hữu xuống đến trường thành hay thừa thắng tiến thêm một bước nữa.

Bị ảnh hưởng của tiêu thuyết và diễm sử, nhiều người vẫn cho rằng Ngô Tam Quế mời quân Thanh vào là lý do chính – nếu không nói rằng nguyên nhân duy nhất – để họ có cơ hội chiếm Trung Hoa. Thực sự chưa hẳn đã như thế. Những biến cố lịch sử trọng đại nào cũng có nhiều liên hệ ràng buộc lẫn nhau và việc Sấm Vương chiếm được Bắc Kinh chỉ là thời cơ sau cùng khi người Mãn Châu thấy đã đến lúc họ “đắc lợi”. Ngô Tam Quế chỉ làm cho cơ hội đó thuận tiện hơn mà thôi.

Giang sơn đổi chủ

Trước khi có lá thư của Ngô Tam Quế, quân Thanh đã sẵn sàng để tiến xuống trung nguyên, chuẩn bị lực lượng trải ra trên một trận địa khá rộng. Để xác định vai trò và thái độ ngoại giao của mình đồng thời bỏ ngõ một cánh cửa, Dorgon đã phúc đáp với lời lẽ úp úp mở mở rằng họ không có ý định khôi phục nhà Minh mà chỉ muốn theo đuổi một quan hệ hoà hảo với Trung Hoa. Họ cũng sẵn lòng thu dụng Ngô Tam Quế vào trong triều đình nhà Thanh, bỏ qua mọi hiềm khích trước đây (khi Ngô Tam Quế trấn thủ biên cương đã từng nhiều lần chạm trán với người Mãn Châu).

Phải công nhận rằng Duệ Thân Vương khí độ hơn người khi ông thu dụng tất cả những ý kiến đưa đến thắng lợi mà những ý kiến đó lại do các tướng lãnh và nho sĩ người Hán đang làm quan tại triều, đáng kể nhất là Hồng Thừa Trù (洪承疇) và Phạm Văn Trình (范文程). Chính Hồng Thừa Trù nêu lên ưu điểm to lớn nhất nếu khai thác được. Đó là biến người Hán thành “đạo quân thứ năm” mở cửa thành cho họ tiến vào bằng cách áp dụng một chính sách đối đãi nhân đạo, không chém giết, không đốt phá, không cướp của. Còn đối với loạn quân thì mềm nắn rắn buông, nếu quân Thanh hung hãn tấn công ắt là tặc phi sẽ đào tẩu và bị kỵ binh tiêu diệt.

Dorgon theo sát những đề nghị này và triệu tập thân vương, bối lặc ra nghiêm lệnh cho họ không được cướp phá, ai vi phạm sẽ bị xử tử, tài sản bị tịch thu, con cái bị đày làm nô lệ.

Ngày 15 tháng 4 năm Giáp Thân (20-5-1644) khi thư của Ngô Tam Quế đến nơi thì quân Thanh đã tiến sát Ninh Viễn và Dorgon phúc đáp là nếu hai bên hợp binh cùng tiến xuống thì sẽ đập tan loạn quân của Lý Tự Thành một cách dễ dàng.

Ngày 20 tháng 4 (25-5-1644) Sấm Vương đem quân lên tới vùng phụ cận Sơn Hải Quan. Ngô Tam Quế một mặt đưa thư chấp thuận đề nghị của Duệ thân vương, một mặt bố trí các cánh quân đề phòng tập kích một mặt chuẩn bị đương cự với Lý Tự Thành ở bờ sông Sa (沙), nơi Sấm Vương đợi sẵn với hai hoàng tử nhà Minh làm con tin.

Ngay khi nhận được thư của Ngô Tam Quế, Dorgon liền ra lệnh cho kỳ binh Mãn Châu lập tức tiến xuống Sơn Hải Quan. Chỉ hơn một ngày quân Thanh đã tiến gần 100 km, và ngày 21 tháng 4 (26-5-1644) thì hạ trại chỉ còn cách Sơn Hải Quan 8 km, ngựa không tháo cương, người không cởi giáp. Nửa đêm hôm đó hai tướng Ajige và Dodo chỉ huy hai cánh tả hữu trải ra, còn lực lượng chính thì đích thân Dorgon tiến vào quan ải.

Rạng sáng hôm sau (22 tháng 4 năm Giáp Thân tức 27-5-1644), quân Thanh đã đến Sơn Hải Quan, Ngô Tam Quế cưỡi ngựa chạy ra nghênh đón và làm lễ đầu hàng. Theo tài liệu còn trong văn khố, Dorgon cho giết ngựa trắng bò đen để Ngô Tam Quế tuyên thệ và ước hẹn rằng sau khi

bình định Sấm Vương thì trung nguyên sẽ thuộc về nhà Thanh. Kế đó, Dorgon ra lệnh cho Ngô Tam Quế gọt tóc theo kiểu người Mãn Châu.

Sau thủ tục qui thuận, tất cả quân Minh về hàng được lệnh khâu một manh vải trắng vào lưng áo để khi giao chiến với người Hán – nhất là với hàng binh nhà Minh nay thuộc về Sấm Vương – dễ phân biệt bạn thù vì quân của Ngô Tam Quế sẽ là đội quân tiên phong tiến đi trước. Chính đây là dấu hiệu mà Ngô Tam Quế sau này kể rằng ông ta đã cho binh lính để tang vua Sùng Trinh.

Ngô Tam Quế tiến lên kịch chiến với Lý Tự Thành ở bờ sông Sa, tướng đầu đã thất bại. May sao một trận bão cát thổi đến và nhờ gió bụi che chở, kỵ binh quân Thanh vòng lên đánh vào ngang hông lực lượng của Sấm Vương khiến cho đối phương tán loạn phải bỏ chạy.

Lý Tự Thành cố gắng tái tổ chức lực lượng để đương cự nhưng một số đông mất tinh thần chạy thẳng về Bắc Kinh làm cho Sấm Vương cũng phải chạy theo. Thuận quân thua trận đâm ra mất kiểm soát, tới đâu cũng đốt phá, cướp bóc không sao ngăn được, nhiều khu vực lớn bị tan hoang thành bình địa. Tin thắng trận của Ngô Tam Quế truyền tới, nhân dân vui mừng khi nghe đồn rằng một hoàng tử nhà Minh sẽ lên nối ngôi.

Ngày 26 tháng 4 năm Giáp Thân (31-5-1644), Lý Tự Thành về đến kinh đô lại cướp phá tất cả các công đường và quan lại. Trong cơn tuyệt vọng sau cùng, Lý Tự Thành quyết định lên ngôi hoàng đế. Một buổi đăng quang tổ chức vội vã ngày 29 tháng 4 (3-6-1644) trong khi thuộc hạ được lệnh chuẩn bị bỏ chạy.

Ngày hôm sau vua Vĩnh Xương nhà Thuận cho đốt cung điện rồi cưỡi ngựa kéo quân ra cửa tây, để lại kinh thành "khói lửa ngất trời". Tổng cộng Sấm Vương chiếm đóng Bắc Kinh được 42 ngày và làm vua chưa đầy một buổi. Dân chúng thấy Thuận quân lũ lượt tay xách nách mang những đồ ăn cướp được nên cũng không còn kiêng dè, tự ý tổ chức thành những đội dân quân vây bắt những tên lính lẻ tẻ ném luôn vào đồng lửa. Nhiều kẻ khác bị chặt đầu ngay giữa phố.

Lẽ dĩ nhiên, cảnh hỗn loạn nào cũng mang nhiều màu sắc, vì hận thù cũng có mà dậu đổ bìm leo cũng có. Theo sách vở, số người bị giết vào lúc đó lên đến gần hai nghìn và dần dần lắng xuống khi nghe tin đại quân từ Sơn Hải Quan đã tiến về. Người ta chờ đón Ngô Tam Quế như một cứu tinh để tái lập nhà Minh. Thế nhưng người cầm đầu đoàn quân đến tiếp thu kinh thành lại là Dorgon, Duệ Thân Vương người Mãn Châu.

... Sáng sớm ngày mùng một tháng năm (tức 5-6-1644), các bô lão và quan viên trong thành Bắc Kinh đều ra khỏi thành hai mươi dặm để nghinh đón. Khi đại quân đến thì họ đưa ra một người để hướng dẫn vào kinh đô. Quan canh cửa Đông Hoa đã chuẩn bị vương hiệu và một người xuống ngựa bước lên long xa nói:

- Ta đây là thân vương phụ chính, thái tử nhà Minh đã nhượng vị để cho ta làm chủ quốc gia.

Đám đông ai nấy đều ngơ ngác, có người lại cho rằng đây có lẽ là hậu duệ của vua Anh Tông (vua nhà Minh trước đây bị quân Mông Cổ bắt ra ngoài quan ải) nhưng không ai dám lên tiếng. Sau đó Dorgon tiến vào điện Võ Anh, bước lên trên cao và quay lại hỏi xem ai là người cao cấp nhất trong quan lại nhà Minh. Lý Minh Duệ (李明睿) miễn cưỡng bước ra và Dorgon liền phong cho ông làm thị lang bộ Lễ. Lý vội vàng từ khước lấy cớ mình già yếu nhưng Dorgon không để cho ông được toại nguyện:

Quốc quân của tiền triều chưa được an táng đúng lễ nghi. Ta dự định là từ ngày mai tất cả các quan lại và dân chúng sẽ để tang cho hoàng đế. Thế nhưng làm sao phát tang nếu chưa có hương án, bài vị? Và làm sao lập được bài vị nếu bộ Lễ chưa tôn thụy hiệu?

Nghe đến đây, Lý Minh Duệ chảy nước mắt và cúi đầu nhận nhiệm vụ, nguyện sẽ hoàn tất sứ mạng tổ chức nghi lễ cho Minh triều. Dorgon tiếp tục ra tuyên cáo chiêu an dân chúng, hứa sẽ tha cho bất cứ ai qui thuận và chịu cạo đầu, dóc tóc theo kiểu người Mãn Châu. Những thành nào chống lại sẽ bị tận diệt.

Trong vòng nửa tháng đại quân nhà Thanh lần lượt kéo xuống và các tướng lãnh, kể cả Ngô Tam Quế, đều phân tán ra khắp các nơi để tiêu trừ dư đảng của Lý Tự Thành và những nhóm phiến loạn khác. Bốn mươi hai ngày của triều đình nhà Thuận đã khiến cho người Hán và quan lại nhà Minh đón nhận quân Thanh một cách nồng nhiệt, vui mừng.

Trung Hoa một lần nữa đổi chủ.

Trần Viên Viên

(diễm sử)

陳圓圓

Theo diễm sử, Trần Viên Viên gốc người Thái Nguyên, họ Trần tên Nguyên (沅) vốn con nhà gia giáo. Cha mất sớm, mẹ nuôi đến khi khôn lớn, năm 18 tuổi nổi tiếng là xinh đẹp, eo thon, mặt như hoa phù dung, da trắng như tuyết, thông tuệ hơn người. Nàng tinh thông sách vở, cầm kỳ thi họa môn nào cũng giỏi. Không may mẹ cũng lìa đời, đất Sơn Tây lưu khẩu nổi lên nên phải bán mình để lấy tiền làm đám ma cho mẹ thành thử lưu lạc đến Tần Hoài.



Ngô Tam Quế



Trần Viên Viên

Hai năm sau, tuần phủ An Huy Lý Lưu Vân (李留雲) đi tìm mua danh kỹ bắt gặp mới mua nàng đem về đưa vào phủ đệ của Điền hoàng thân Điền Hoành (田宏) làm chức hầu môn tuyệt cơ. Một ngày kia, trong một bữa tiệc trong Điền phủ, đô đốc trông coi binh mã của kinh thành là Ngô Tam Quế trông thấy nàng, hồn điên phách đảo, còn Trần Viên Viên thì cũng sinh lòng ái mộ chàng thanh niên khí vũ bất phàm, tuổi trẻ anh hùng họ Ngô.

Từ đó trở đi, Ngô Tam Quế tìm cách ra vào Điền phủ, giả tảng đàm luận kinh luân để có dịp gần người ngọc. Đến kỳ nhà Minh mở khoa thi võ, Ngô Tam Quế ứng thí đậu cao được bổ làm du tuần sứ.

Một ngày kia, Điền phủ mở tiệc thưởng hoa, Ngô Tam Quế vô ý xông vào phòng của Trần Viên Viên, hai người đầu mày cuối mắt, đang nói chuyện thì bị Điền hoàng thân bắt gặp. Họ Điền nổi giận đuổi Ngô Tam Quế ra khỏi phủ khiến cho y biếng ăn bỏ ngủ, ngày đêm mơ tưởng đến Trần Viên Viên.

Hồi đó, quân Minh chống giữ quân Thanh ngoài biên ải thua liên tiếp nên vua Sùng Trinh phong cho Ngô Tam Quế làm phó tổng binh, ra Sơn Hải Quan ngăn địch. Khi mọi người đến chúc mừng, thấy y mặt mày không được vui hỏi ra biết chuyện nên Đồng Kỳ Xương mới khuyên Điền Hoành đem Trần Viên Viên tặng cho Ngô Tam Quế.

Từ khi có được người đẹp, Ngô Tam Quế việc binh bê trễ, cáo bệnh ở nhà, khiến Đồng Kỳ Xương phải viết thư khuyên nhủ. Ngô Tam Quế và Trần Viên Viên đọc xong, Trần Viên Viên quì xuống khóc mà rằng:

“Đồng tống bá vì chuyện quốc gia thế nào cũng phải tìm cách trừ khử tiện thiếp. Tiện thiếp nay làm liên luy đến thanh danh của tướng quân, làm hỏng con đường tiến thủ, rồi đây chắc cả hai ta cùng chết, chỉ bằng tiện thiếp chết trước mặt tướng quân cho xong”.

Ngô Tam Quế nhảy dựng lên, xé nát lá thư của Đồng Kỳ Xương nói:

“Ta chẳng ham cái chức phó tổng binh này, chỉ mong được cùng nàng kề cận. Đầu ta có thể đứt nhưng tình ý đôi ta không thể nào đứt được”.

Người vợ cả của Ngô Tam Quế họ Lư biết tình biết lý, e ngại phu quân không thoát khỏi tội khi quân nên khuyên chồng đừng vì mê luyến nữ sắc mà hại đến bản thân nhưng Ngô Tam Quế không để vào tai. Đứa thị tì của Trần Viên Viên đem những lời Lư thị thêm dầu thêm mỡ nói lại cho nàng nghe, Trần Viên Viên lập tức tìm Ngô Tam Quế khóc lóc thảm thiết.

Ngô Tam Quế nổi giận bưng bưng, lôi Lư thị ra đâm đá một trận. Lư thị lúc đó đang có thai, bị đánh đến chết ngay tại chỗ. Thái phu nhân (mẹ của Ngô Tam Quế) nghe chuyện nổi cơn thịnh nộ, biết việc do Trần Viên Viên nói ra nói vào mà nên giờ gia pháp trừng trị còn lão thái gia Ngô Tương (吳驥) (cha của Ngô Tam Quế) thì cho rằng giết người phải đền mạng nên giao con cho bộ Hình xử trí.

Đồng Kỳ Xương một lần nữa vì Ngô Tam Quế chạy đông chạy tây, nhờ tể tướng Lý Kiến Thái vào nói với vua Sùng Trinh nên Ngô Tam Quế mới được thả về, sai ra Sơn Hải Quan đái công chuộc tội. Theo luật nhà Minh, võ quan trấn thủ biên thủy không được phép mang gia đình theo nên Ngô Tam Quế đành phải để Trần Viên Viên ở kinh đô.

Khi Lý Tự Thành chiếm Bắc Kinh, y toan lợi dụng Trần Viên Viên để không chế Ngô Tam Quế, bực bách Ngô Tương phải viết một lá thư khuyên con đầu hàng. Để mong bảo toàn tính mạng cha mình, Ngô Tam Quế bằng lòng qui thuận. Y bàn giao sổ sách, quyền hành xong mới dẫn số quân tinh nhuệ đi theo sứ giả của Sấm Vương là Đường Thông quay về Bắc Kinh để gặp Lý Tự Thành.

Trên đường đi, Ngô Tam Quế gặp được người nhà là Ngô Lương, hỏi thăm về Trần Viên Viên mới hay Trần Viên Viên đang ở trong cung, được họ Lý cực kỳ sùng ái. Ngô Tam Quế nghe vậy, nộ khí xung thiên, nghiêng răng nói:

“Đại trượng phu ở trên đời không bảo vệ được một người đàn bà thì đâu có đáng sống!”.

Ngô Tam Quế quát bộ hạ đem Đường Thông ra chém rồi quay về chiếm lại Sơn Hải Quan, sai phó tướng Dương Hàn (楊韓), du kích Quách Vân Long (郭雲龍) sang nhà Thanh cầu cứu đồng thời viết thư cự tuyệt lời yêu cầu của cha. Nhờ có quân Thanh hợp lực, Ngô Tam Quế đánh bại Lý Tự Thành, đoạt lại được người ái thiếp Trần Viên Viên.

Sau khi quân Thanh chiếm được trung nguyên, Ngô Tam Quế được phong làm Bình Tây Vương, trấn nhậm Vân Nam. Y cho xây một hoa viên tuyệt đẹp, lấy tên là Giả Ngọc Viên Lâm (赭玉園林), ngày ngày cùng thị thiếp yến ẩm.

Một hôm Ngô Tam Quế đang ở trong hoa viên đãi khách, Trần Viên Viên sai tì nữ đỡ ra, đến trước mặt Ngô Tam Quế quì xuống thưa rằng:

“Tiện thiếp được hầu hạ vương gia lâu năm, vương gia không hề là kẻ xuất thân ca kỹ, kiếp này không biết lấy gì báo đáp, chỉ đành đợi đến kiếp sau. Bây giờ thiếp đã thấy cõi trần này là hư ảo, từ nay cắt tóc đi tu, lấy ngọn đèn quỳên kinh làm bạn cho qua kiếp sống thừa”.

Nói xong nàng rút trong tay áo ra một con dao ngắn, cắt soẹt mấy cái, mái tóc mượt như tơ rơi lả tả. Ngô Tam Quế đang định ngăn lại nhưng không kịp nữa rồi bèn khuyên lơn, hai người lại đắm thắm như khi trước.

Sáng hôm sau, khi tỉnh giấc, Ngô Tam Quế không còn thấy Trần Viên Viên đâu nữa, lập tức cho tập trung người nhà bỏ đi tìm thì bắt gặp Trần Viên Viên đã xuất gia tại một ngôi chùa cách vương phủ không xa

tên là Thê Vân Tự (栖雲寺). Ngô Tam Quế tới nơi thấy Trần Viên Viên đang ngồi tụng kinh bên khăn cầu nàng quay về vương phủ, Viên Viên nghiêm mặt đáp:

“Trên đời này không có bữa tiệc nào mà không có lúc tàn. Vương gia đãi người vì sắc đẹp, một khi niên lão sắc suy, rồi cũng sẽ bỏ thiếp. Than ôi! Biển khổ không bờ, quay đầu thấy bến. Nếu như vương gia không buông tha thì cứ giết thiếp đi”.

Ngô Tam Quế thấy Trần Viên Viên ý chí sắt đá như thế đành phải để nàng ở đây và ra lệnh cho cát ở bên cạnh một toà ni am. Ngày ngôi chùa xây xong, Ngô Tam Quế cho người đến chúc mừng thì Trần Viên Viên đã vào phòng treo cổ tự tử.

Bình Tây Vương hối hận hậu táng nàng theo nghi lễ vương phi, chôn tại khu rừng tùng gần Thê Vân Tự, ngôi mộ đến nay vẫn còn. Cuộc đời của Trần Viên Viên nay gắn liền với bốn chữ *hồng nhan họa thủy* (紅顏禍水).

Lược thuật theo *Trung Quốc Toàn Sử* quyển 4 (Diễn Sử) tr. 86-9

KẾT LUẬN

Lịch sử chỉ là những chu kỳ được lập đi lập lại, hết thịnh rồi tới suy và một triều đại cáo chung luôn luôn có những người vẫn tiếp tục hoài vọng nước cũ. Chuyện đó cũng dễ hiểu khi con người được xây đắp không hẳn chỉ bằng ước vọng tương lai mà cả những thành tựu quá khứ.

Trong những năm cuối của triều Minh, Trung Hoa không còn là một đế quốc hoàn toàn dưới quyền của một chính quyền trung ương mà đã chia ra thành nhiều khu vực, mỗi vùng có một sứ quân, tùy theo quyền lực và ảnh hưởng mà cai trị một vùng lớn nhỏ. Việc giao cho anh em, dòng họ mỗi người một mảnh đã khiến cho nước Tàu tự chia cắt thành nhiều tiểu quốc lẻ loi nên dễ bị lưu khấu tiêu diệt. Ngay cả những loạn tướng cũng chỉ có mộng chia xẻ giang sơn với nhà Minh hơn là thay thế họ. Cho nên chúng ta không lấy làm lạ khi Sấm Vương Lý Tự Thành ra chiêu hoang mang khi nghe tin vua Sùng Trinh tự ái và buột miệng nói ra *"Ta đến đây chỉ muốn chia xẻ giang sơn với ông, sao ông lại tự tử như thế?"*.

Chúng ta thấy rằng một xã hội thời loạn ly có những đột biến không thể tiên liệu. Bức tranh vắn cầu của mọi thời đại là một khi quyền bính nằm trong tay giới võ biên ít học, việc gì cũng có thể xảy ra. Tùy theo quan điểm của mỗi người, thành phần đọc sách tự đề ra cho mình một thái độ. Không hiếm người cố tìm một ý nghĩa cho việc thay tên đổi chủ để biện minh cho hành động và cũng không hiếm những kẻ tự thu lại rồi cho rằng đó là một phản ứng tận trung với cố quốc. Phải mất một thời gian khá lâu người ta mới có thể nhìn được những biến chuyển dưới những góc độ khác nhau.

Quân Thanh vào chiếm được Trung Hoa đã trở thành một đề tài lớn cho nhiều người, từ sử gia đến văn nhân, thực cũng có mà ảo cũng có. Tất cả chung qui cũng xoay quanh bốn chữ *"đuổi hươu tranh đỉnh"*. Thế nhưng người Mãn Châu không phải lấy được Bắc Kinh là xong, họ còn phải mất một thời gian dài để bình định những khu vực còn sót lại và đối phó với những đám di thần nhà Minh cũng như những tập thể người Hán tiếp tục nổi dậy để khôi phục nhà Minh.

Sau khi thất bại ngay ở trong nước, người Trung Hoa tìm cách bỏ trốn ra nước ngoài để khỏi phải phục vụ *"dị tộc"* và giữ được *"áo quần, mái tóc"*. Những người *"Minh hương"* đó đã ảnh hưởng khá nhiều đến biến chuyển của nước ta, tích cực và tiêu cực. Họ cũng trở thành một mạng lưới trải rộng khắp vùng Đông Nam Á, xây dựng được những cộng đồng có sức mạnh kinh tế khuyhn loát nhiều chính quyền.

Bài viết này tuy chỉ thuật lại một biến chuyển chính trị của Trung Hoa không liên quan gì đến Việt Nam nhưng lại là nguyên nhân trực tiếp để nảy sinh ra những *"đảng phái"* theo mô hình thời đó – những bang hội với mục đích tương trợ làm bình phong cho những mưu đồ chính trị. Những tổ chức đó chi phối hầu như mọi sinh hoạt của Hoa kiều tại hải ngoại và đã có thời hoạt động mạnh tại miền Nam, là tiền đề của nhiều cuộc nổi dậy và khai sinh ra một số tôn giáo địa phương. Nhiều sinh hoạt tại nước ta vẫn được bảo tồn một cách trân trọng như tài sản của cha ông lại chính là một đặc sản được du nhập từ Trung Hoa trong thời kỳ này. Đây chính là chủ đề của đề tài *"Thiên Địa Hội"* kế tiếp.

Mô hình của Trung Hoa cuối đời Minh cũng không khác gì hoàn cảnh của Việt Nam thời Lê mạt, khá nhiều tương đồng mặc dù hậu quả hai bên khác nhau. Xem qua những biến chuyển dẫn đến việc Thanh bình nhập quan, chúng ta thấy rằng có những nhân vật đóng một vai trò tuy nổi bật trong giai đoạn này nhưng không hẳn là những nguyên tố duy nhất. Và bài viết này cũng phần nào được hoàn thành để soi sáng cho vai trò của một kỹ nữ tên là Trần Viên Viên!

Tháng 11, 2005

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bạch Thọ Di (白壽彝) chủ biên. *Trung Quốc Thông Sử* (中國通史) (22 volumes) Thượng Hải: Thượng Hải nhân dân xb xã, 1989
2. ----- . *Trung Quốc Thông Sử Cương Yếu* (中國通史綱要). Bắc Kinh: Ngoại Văn xb xã, 1982. (bản Anh Ngữ Bai Shouyi. *An Outline History of China*. Beijing: Foreign Languages Press, 1982)
3. Chan, Albert. *The Glory and Fall of the Ming Dynasty*. Norman: University of Oklahoma Press, 1982
4. Hookham, Hilda. *A Short History of China*. New York: New American Library, 1972
5. Kim Dung. *Lộc Đỉnh Kỳ* (5 quyển). Hongkong: Minh Báo, 1981
6. Lê Đông Phương (黎東方). *Té Thuyết Minh Triều* (細說明朝) (quyển 2). Đài Bắc: Văn Tinh tùng san, 1964
7. Mote, F. W. *Imperial China: 900-1800*. Mass: Harvard University Press, 1999
8. Mote, Frederick W. và Denis Twitchet chủ biên. *The Cambridge History of China* (volume 7 & 8 – The Ming Dynasty, 1368-1644) Cambridge: Cambridge University Press, 1997
9. Oxnam, Robert B. *Ruling From Horseback – Manchu Politics in the Oboi Regency, 1661-1669*. Chicago and London: The University of Chicago Press, 1975
10. Parker, Geoffrey. *The Military Revolution: Military innovation and the rise of the West 1500-1800*. New York: Cambridge University Press, 1996
11. Parsons, James B. "The Culmination of a Chinese Peasant Rebellion: Chang Hsien-Chung in Szechwan, 1644-46"(S. N. Eisenstadt biên tập, *The Decline of Empires*, New Jersey: Prentice Hall, Inc.,1967)
12. Perry, Elizabeth J. *Rebels and Revolutionaries in North China 1845-1945*. California: Stanford University Press, 1980
13. Spence, Jonathan D. *The Search for Modern China*. New York: W.W. Norton & Company, 1990
14. Sun Laichen. "Military Technology Transfers from Ming China and the Emergence of Northern Mainland Southeast Asia (c. 1390-1527)" *Journal of Southeast Asian Studies*, vol. 34, 3 (10-2003)
15. Tiền Mục (錢穆). *Quốc Sử Đại Cương* (國史大綱) hai quyển thượng và hạ. Hương Cảng: Thương Vụ Ấn Thư Quán, 1998
16. Trần Chí Bình (陳致平). *Trung Hoa Thông Sử* (中華通史) quyển 9. Đài Bắc: Lê Minh văn hoá sự nghiệp công ti, 1978
17. Trạch Văn Minh (翟文明) chủ biên. *Trung Quốc Toàn Sử* (中國全史) 4 cuốn. Bắc Kinh: Quang Minh nhật báo xb xã, 2002

18. Vương Nhung Sinh (王戎笙) chủ biên. *Thanh Đại Toàn Sử* (清代全史) 10 volumes. Thẩm Dương: Liêu Ninh nhân dân xb xã, 1995
19. Vương Xuân Du (王春瑜). *Minh Thanh Sử Tản Luận* (明清史散論). Thượng Hải: Đông Phương xb trung tâm, 1996
20. Wade, Geoff. *The Zheng He Voyages: A Reassessment*. Singapore: Asia Research Institute, 2004
21. Wakeman, Frederic, Jr. *The Fall of Imperial China*. New York: The Free Press, 1975
22. ----- . *The Great Enterprise: The Manchu Reconstruction of Imperial Order in Seventeenth-Century China* (2 volumes). Berkeley: University of California Press, 1985